ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

NGUYỄN ĐĂNG HỰU

NGHI LỄ VÀ PHÙ THUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠO GIÁO TRONG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ DÂN TỘC HỌC

HUẾ - NĂM 2025

Công trình được hoàn thành tại: **Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế**

Người hướng dẫn khoa học:
TS. Vũ Hồng Thuật
PGS.TS Nguyễn Văn Mạnh

Phản biện 1: .....

.....

Phản biện 2: .....

.....

Phản biện 3: .....

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế họp tại: số 4 - Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vào hồi …….. giờ ....., ngày ..... tháng …… năm 2025

Có thể tìm hiểu luận án tại:
- Thư viện Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
- Thư viện Quốc gia Việt Nam

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đạo giáo thông qua nhiều con đường truyền bá khác nhau, đã sớm du nhập vào nước ta, được bản địa hóa và dân gian hóa ở những mức độ khác nhau. Đạo giáo đã hòa nhập một cách sâu sắc vào đời sống tín ngưỡng dân gian người Việt. Sự hòa nhập này cũng có những ưu điểm và hạn chế nên việc xem xét nghiên cứu nó là cần thiết, góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa.

Ngày nay, dấu ấn của Đạo giáo vẫn hiện diện bàng bạc trong tín ngưỡng của người Việt ở Trung bộ, trong đó nghi lễ và phù thuật nổi lên như là những biểu hiện tiêu biểu cho diện mạo và sự tồn tại của tôn giáo này. Nghiên cứu nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của vùng này sẽ góp phần nhận diện mức độ, đặc điểm và động thái giao thoa văn hóa, nhận diện vai trò của chúng trong đời sống thực tiễn. Đó là vấn đề phức tạp, có quan hệ đa chiều và khó bóc tách nhưng việc nghiên cứu chúng lại có ý nghĩa quan trọng và cần thiết trong tình hình nghiên cứu tín ngưỡng tôn giáo ở Việt Nam.

Hiện trạng nghiên cứu các vấn đề liên quan đến Đạo giáo ở Việt Nam vốn đã được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước triển khai, nhưng nghiên cứu nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ dưới góc độ dân tộc học, nhân học vẫn là vấn đề còn bỏ ngỏ. Vì vậy, việc nghiên cứu chủ đề này sẽ góp phần bổ sung khoảng trống học thuật, làm đa dạng hơn góc độ tiếp cận trong lĩnh vực nghiên cứu tín ngưỡng dân gian cũng như Đạo giáo ở miền Trung Việt Nam hiện nay.

Với những lý do nêu trên, chúng tôi chọn vấn đề "*Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ*" làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Dân tộc học của mình.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu

Luận án sẽ làm rõ mối quan hệ tương tác giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, đồng thời chỉ ra những loại hình, đặc điểm và động thái tiêu biểu của nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

Luận án sẽ nêu bật vai trò và ý nghĩa của nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong đời sống văn hóa người Việt đương đại.

Luận án còn hướng đến mục tiêu đưa ra quan điểm nhìn nhận và kiếm cách tiếp cận phù hợp đối với vấn đề với nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian, một chủ đề vốn có nhiều định kiến trong nghiên cứu, quản lý và truyền thông.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận án đặt ra bốn nhiệm nghiên cứu vụ sau:

Làm rõ được bối cảnh xuất hiện, sự vận động và triển cũng như mối quan hệ của các yếu tố Đạo giáo ở Trung bộ.

Khái quát hóa các loại hình nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo tiêu biểu trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung Bộ.

Làm rõ một số đặc điểm và động thái của nghi lễ, phù thuật trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

Ngoài ra, luận án cũng nêu bật chức năng và vai trò của việc thực hành nghi lễ, phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong các bối cảnh đặc thù ở Việt Nam đương đại.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ. Ở đây vấn đề nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo được xem xét như là phân thể của tôn giáo này trong hệ thống tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi không gian: Không gian nghiên cứu của luận án là vùng Trung bộ Việt Nam, trong đó chúng tôi tập trung nghiên cứu sâu ở bốn địa bàn Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Đây là những địa bàn có những đặc điểm tự nhiên và văn hóa đặc trưng, tiêu biểu cho khu vực Bắc Trung bộ và Nam Trung bộ. Đây là những vùng đất có khí hậu khắc nghiệt, thường hứng chịu nhiều thiên tai và các biến động chính trị, xã hội trong lịch sử. Cư dân ở các địa bàn nghiên cứu này thường đối mặt với nhiều rủi ro và bất an.

Phạm vi thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian đương đại của người Việt ở Trung bộ. Khái niệm đương đại được sử dụng trong luận án vừa được hiểu theo nghĩa tiến trình phát triển và theo nghĩa hiện tồn. Tức, luận án nghiên cứu nghi lễ và phù thuật với tư cách là một đối tượng đang tồn tại, đang diễn ra, đang được người Việt thực hành trong sự tham chiếu với các bối cảnh truyền thống trước đó.

4. Nguồn tư liệu nghiên cứu

- *Tư liệu điền dã dân tộc học*: Đây là nguồn tư liệu chủ đạo, được thu thập trong quá trình điền dã thực địa tại các làng xã, thành phố trên địa bàn nghiên cứu ở các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam và một số địa phương khác. Nguồn dữ liệu này ngoài bao gồm các tư liệu quan sát mô tả dân tộc học, tư liệu hồi cố, còn có tư liệu phỏng vấn bán cấu trúc được thu thập bằng các hỏi chuyện, phỏng vấn và ghi hình, ghi âm.

- *Tư liệu thành văn:* Đây là nguồn tư liệu cung cấp các luận cứ bổ sung, hỗ trợ tư liệu điền dã được tác giả thu thập từ các nhà nghiên cứu, các thư viện, các nguồn cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ. Ngoài ra, luận án còn căn cứ trên nguồn tư liệu rất quan trọng khác là hệ thống văn sớ, khoa nghi, sách cúng, sách bùa, cốt bùa, kinh…mà chúng tôi thu thập từ các cơ sở tín ngưỡng tôn giáo, các pháp sư, thầy cúng hay các hòm bộ của một số làng xã trong quá trình điền dã thực địa.

5. Đóng góp của luận án

5.1. Về mặt khoa học

- Trên phương diện lý thuyết, luận án cung cấp những minh chứng thực tiễn cho lý thuyết giao lưu văn hóa, góp phần thực chứng hệ thống lý thuyết an ninh con người trong thực hành tôn giáo ở Việt Nam.

- Trên phương diện phương pháp luận, luận án củng cố và chứng minh cho cách tiếp cận công năng xã hội, tôn trọng tiếng nói của chủ thể nghiên cứu nghi lễ và phù thuật.

5.2. Về mặt thực tiễn

Luận án này cung cấp những phân tích về tình trạng thực tế, nhận diện các nhu cầu và động lực thực hành, khẳng định một số vai trò và giá trị cũng như đưa ra những thách thức, cảnh báo về nghi lễ và phù thuật trong đời sống tín ngưỡng dân gian Trung bộ. Bằng cách làm sáng tỏ những khía cạnh này, luận án sẽ góp phần vào việc bảo tồn di sản

văn hóa địa phương, tham vấn chính sách và thúc đẩy sự hiểu biết sâu sắc hơn về bản chất và giá trị của các nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong xã hội hiện nay. Ngoài ra, luận án cũng mang lại những ý nghĩa thực tiễn trong việc tham khảo, nghiên cứu, giảng dạy về Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

6. Bố cục của luận án

Ngoài phần *Mở đầu, Kết luận, Phụ lục* và *Danh mục tài liệu tham khảo,* luận án được triển khai với 5 chương cụ thể như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận, phương pháp và địa bàn nghiên cứu.

Chương 2. Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

Chương 3. Nghi lễ liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

Chương 4. Phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

Chương 5. Một số luận bàn về nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

Chương 1.
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

1.1 Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu tư liệu thành văn, các công trình, bài viết liên quan đến đề tài có thể chia theo 4 nhóm sau:

1.1.1. Các nghiên cứu lý luận về tín ngưỡng, tôn giáo

* Nhóm các công trình nghiên cứu xem tín ngưỡng là hình thái khác biệt, tách rời và tồn tại độc lập với tôn giáo, tín ngưỡng được xem là cấp độ thấp của tôn giáo. Tiêu biểu là Nguyễn Duy Hinh (1996; 2005), Đỗ Quang Hưng (2009), Ngô Đức Thịnh (2001), Đinh Hồng Hải (2018), …

* Nhóm các công trình nghiên cứu đồng nhất tín ngưỡng với tôn giáo, tín ngưỡng và tôn giáo cùng bản chất và đều là hình thái văn hóa nên không có sự cao thấp. Tiêu biểu là Đặng Nghiêm Vạn (2007), Nguyễn Thị Hiền (2012), Nguyễn Quốc Tuấn (2013), …

1.1.2. Các nghiên cứu về Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian liên quan đến Đạo giáo

***** Các công trình tập trung vào bối cảnh lịch sử, sự truyền bá và phát triển của Đạo giáo. Theo hướng này bao gồm các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước như: Dương Thành Chí (1937), Vương Khả (1998), Tôn Diệc Bình (2014, 2016), Lý Hiển Quang (2016) và Onishi Kazuhiko (2008, 2010, 2011) và Nguyễn Thế Hùng (2002).

* Các công trình nghiên cứu Đạo giáo qua các biểu hiện thực tế trong phong tục tập quán, thực hành tôn giáo ở Việt Nam. Tiêu biểu là Adriano di Santa Thecla [1750](2018), Phan Kế Bính (1915), Trần Trọng Kim (1923), Đào Duy Anh (1938), Léopold Cadière đăng nhiều bài trên tạp chí BAVH, Vũ Hồng Thuật (2013).

***** Các công trình nghiên cứu về tính bản địa của Đạo giáo Việt Nam qua một số nội dung sau. Đầu tiên nghiên cứu xu hướng bản địa hóa trong hệ thần linh Việt như

Nguyễn Văn Khoan (1933) và Trần Văn Giáp (1939), Tạ Chí Đại Trường (2006). Thứ hai, nghiên cứu Đạo giáo qua một số hình thái tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng dân gian, tiêu biểu như: Ngô Đức Thịnh (1996, 2010), Nguyễn Duy Hinh (2003),Vũ Hồng Vận (2017), Chu Văn Tuấn và những người khác (2020), Kiều Thu Hoạch (2023),…

* Các công trình nghiên cứu về tín ngưỡng dân gian liên quan đến Đạo giáo ở các địa phương Trung bộ. Tiêu biểu như: Trần Đại Vinh (1995), Nguyễn Hữu Thông và những người khác (2001), Vi Văn An (2005), Nguyễn Chí Trung (2005), Trần Đình Hằng (2008, 2011),…

1.1.3. Các nghiên cứu về nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo

1.1.3.1. Các nghiên cứu về nghi lễ

* Những công trình khảo tả nghi lễ liên quan đến Đạo giáo ở Việt Nam và Trung bộ qua các thực hành về tín ngưỡng dân gian như: Trần Đại Vinh (1995), Nguyễn Hữu Thông và những người khác (2001), Kiều Thu Hoạch (2016),…

* Các nghiên nhân học cứu gắn nghi lễ với các vấn đề về chính sách Nhà nước, môi trường xã hội hoặc nhu cầu thực hành của cá nhân và cộng đồng, như: Barley Norton (2020), Shaun Kingsley (2022), Fjelstad (2006), Nguyễn Thị Hiền (2006), Lương Văn Hy (1993), Phillip Taylor (2004, 2007); Phan Đăng Nhật & Oscar Salemink (2004),…

* Các nghiên cứu nghi lễ dưới góc độ của người thực hành, chú ý đến nhu cầu và những trải nghiệm tôn giáo mang tính cá nhân như: Vũ Hồng Thuật (2008, 2020), Nguyễn Thị Hiền (2008), Ngô Đức Thịnh (2010), Nguyễn Đăng Hựu (2016, 2017), Đỗ Thị Thu Hà (2021),…

1.1.3.2. Các nghiên cứu về phù thuật

* Các nghiên cứu về phù thuật Đạo giáo qua một số thực hành tôn giáo ở Việt Nam, tiêu biểu như Gustave Dumoutier (1904), Paul Giran (1912), Georges Coulet ([1926] 2009),

* Một số nhà nghiên cứu đã tiếp cận phù thuật dưới góc nhìn văn hóa, nêu lên các giá trị và công năng của phù thuật dưới góc độ bảo tồn văn hóa truyền thống dân tộc Lê Đình Hùng (2006), Vũ Hồng Thuật (2008, 2009, 2010, 2012 2013), Lê Văn Lân (2009), Đỗ Thị Thu Hà (2015, 2021),…

1.2. Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm liên quan

* Luận án đã đưa ra 4 khái niệm: nghi lễ, phù thuật, Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian.

1.2.2. Các lý thuyết sử dụng trong luận án

Để giải quyết các câu hỏi và vấn đề nghiên cứu, luận án đã sử dụng ba lý thuyết cơ bản sau đây:

- *Lý thuyết tiếp biến văn hóa của Robert Redfield, Ralph Linton và Melville Herskovits* để giúp tác giả giải quyết hai vấn đề: 1) Động thái và mối quan hệ giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian Trung. 2) Đặc điểm nghi lễ, phù thuật của Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ thông qua việc làm rõ sự tiếp nhận các yếu tố nghi lễ, phù thuật của Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ.
- *Lý thuyết chức năng của nghi lễ và ma thuật của Tambiah* để giải quyết hai câu hỏi nghiên cứu: 1) Các động lực nào khiến nghi lễ, phù thuật liên quan đến Đạo giáo được sử dụng rộng rãi trong đời sống tín ngưỡng dân gian? 2) Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo tham gia giải quyết vấn đề gì trong đời sống người Việt ở Trung bộ?

- *Lý thuyết hiệu năng nghi lễ qua lăng kính an ninh con người của Oscar Salemink* nhằm giải quyết câu hỏi nghiên cứu thứ hai của luận án: Động lực thực hành và vai trò của nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong việc giải quyết các vấn đề mang tính hiện sinh trong xã hội đương đại là gì?

1.3.Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài này, tác giả luận án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

- *Phương pháp điền dã dân tộc học* là phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng trong luận án, nó được áp dụng xuyên suốt và nhất quán trong quá trình nghiên cứu.

- *Phương pháp thu thập tư liệu thành văn*: bao gồm các tài liệu nghiên cứu tham khảo đã xuất bản và các loại văn sớ, khoa nghi, kinh sách, cốt bùa, ván in bùa, sớ văn, biểu văn, các kinh sách.

- *Phương pháp phân tích và tổng hợp:* Đây là phương pháp được sử dụng xuyên suốt trong quá trình điền dã tân tộc học và thu thập tư liệu thành văn đến lựa chọn khuôn khổ lý thuyết để nhằm lý giải, phân tích và xem xét toàn diện các khía cạnh chủ đề nghiên cứu.

- *Phương pháp lịch sử và logic*: được sử dụng để kiểm tra sự tương tác và mối quan hệ giữa các yếu tố Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian khu vực, làm rõ mối liên đới, sự cộng sinh và ảnh hưởng qua lại giữa các yếu tố Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian Trung bộ.

- *Phương pháp so sánh và đối chiếu:* để cung cấp một khuôn khổ để đánh giá dấu ấn của nghi lễ và phù thuật Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian cũng như đặc thù, sự tương đồng và khác của nghi lễ, phù thuật liên quan đến Đạo giáo ở Trung bộ trong bối cảnh chung của các vùng văn hóa khác ở Việt Nam.

-*Một số phương pháp khác:* tác giả cũng sử dụng thêm một số phương pháp nghiên cứu liên ngành từ nhân học và văn hóa học, phương pháp tham vấn chuyên gia cùng các kỹ thuật phân tích biểu tượng và ký hiệu học. Đó như là những công cụ cần thiết để nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu, giải mã ý nghĩa biểu tượng nghi lễ và bùa chú, tham vấn các vấn đề hóc búa.

1.4. Địa bàn nghiên cứu

Trong phạm vi địa bàn nghiên cứu Trung bộ, luận án tập trung vào 4 địa điểm nghiên cứu chính là Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng và Quảng Nam. Trong đó, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là địa điểm đại diện cho vùng Bắc Trung bộ, tương tự, Đà Nẵng và Quảng Nam là địa điểm nghiên cứu điển hình cho vùng Duyên hải miền Trung.

Tiểu kết chương 1.

Chương này đã đưa ra một số nội dung tổng thuật cơ bản về tình hình nghiên cứu, đưa ra các cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu cũng như giới thiệu tổng quan về địa bàn nghiên cứu. Lịch sử nghiên cứu đã phần nào cho thấy diện mạo và diễn trình trong việc tìm kiếm sự hiểu biết cũng như phương pháp tiếp cận với vấn đề này. Đằng sau các quan điểm lý luận, phương pháp tiếp cận, nhận định đánh giá khác biệt thậm chí trái chiều của các nhà nghiên cứu đã cho thấy rằng nghi lễ và phù thuật là một chủ đề đầy thách thức.

Chương 1 cũng đã phân tích các lý thuyết và một số khái niệm cơ bản với mục đích làm rõ và xác định các ý tưởng chính có liên quan đến chủ đề nghiên cứu mối quan hệ giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Những phân tích trên đã cho thấy khoảng cách và sự khác biệt của việc tiếp cận các khung khái niệm trong hệ thống tư liệu mà tác giả tiếp cận, đồng thời cũng tỏ rõ quan điểm của tác giả luận án về các khái niệm trong sự hiểu biết

chung của cộng đồng học thuật. Các cơ sở lý thuyết mà luận án đưa ra đã cung cấp một khuôn khổ lý thuyết có tính toàn diện, đó là những căn cứ định hướng cho việc giải quyết các câu hỏi và vấn đề nghiên cứu trọng tâm của luận án.

Chương 2.
ĐẠO GIÁO VÀ TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

2.1. Đạo giáo ở Trung bộ

2.1.2. Đạo giáo và quá trình du nhập vào Trung bộ

2.1.2.1. *Khái quát chung về Đạo giáo*

Đạo giáo là một truyền thống tôn giáo và triết học nội sinh của Trung Quốc, được ra đời dựa trên nhiều nền tảng tín ngưỡng, tư tưởng, triết học đa dạng. Tư tưởng Đạo giáo được khởi nguồn từ Lão Tử, được bổ sung và phát triển bởi nhiều nhà hiền triết khác như Trang Tử, Liệt Tử. Trên cơ sở các quan niệm về Đạo, Vô vi, Âm dương, Ngũ Hành, Bát quái, Đạo giáo đã phát triển hệ thống giáo thuyết của mình xung quanh các khái niệm về trường sinh, phong thủy, chiêm bốc, dịch học,…Các nền tảng tư tưởng của Đạo gia về sau phát triển thành thứ Đạo giáo mang màu sắc tâm linh. Từ đó, phát triển và phân hóa thành 3 nền tảng tôn giáo cơ bản: Đạo học, Tiên học và Đạo giáo dân gian. Quan điểm vũ trụ luận của Đạo giáo kết hợp với tín ngưỡng dân gian đa thần đã hình thành nên một hệ thống thần linh đa dạng và nhiều phân cấp.

2.1.2.2. *Quá trình du nhập*

Trước hết, Đạo giáo được du nhập vào miền Trung nhờ quá trình di cư của cộng đồng người Việt từ miền Bắc. Đây là tiến trình lan tỏa dân cư của người Việt từ trung tâm đồng bằng sông Hồng vào miền Trung nhằm khai hoang và chiếm lĩnh các khu vực ven biển và các vùng đất cận biên khác.

Các làn sóng nhập cư của người Hoa cũng thúc đẩy sự truyền bá văn hóa Đạo giáo ở Trung bộ. Quá trình này diễn ra thông qua ba con đường chính: 1) Dòng di cư của các cộng đồng người Hoa từ Bắc bộ tiến xuống Trung bộ. 2) Các tuyến thương mại hàng hải của Hoa thương trên biển Đông, đi qua các thương cảng trọng điểm, các dinh trấn và kinh đô ở Trung bộ trong suốt nhiều thời kỳ lịch sử. 3) Dòng di dân tỵ nạn chính trị thời Minh Thanh đến miền Trung Việt Nam định cư.

Ngoài ra *sự có mặt của Đạo giáo ở Trung bộ Việt Nam còn là là kết quả của quá trình giao thoa văn hóa*: Đó là quá trình tương tác giữa hai cơ tầng văn hóa Việt Nam và Trung Hoa, giữa Đạo giáo với Nho giáo và Phật giáo, và giữa Đạo giáo với tín ngưỡng dân gian Việt Nam.

2.1.2. Các hệ phái Đạo giáo ở Trung bộ

Đạo giáo ở Trung bộ khu vực này thành hai nhóm chính: *Đạo giáo thần tiên* (hay Tiên đạo) và *Đạo giáo phù lục* (hay Đạo giáo dân gian). *Đạo giáo thần tiên* đã có những ảnh hưởng nhất định đối với nhóm xã hội ở thượng tầng như vua chúa, quý tộc, quan lại và trí thức thế kỷ XVI-XX. Nhóm Đạo giáo này cũng để lại dấu ấn qua các truyền thuyết về tiên, huyền tích đạo sĩ hay chốn động thiên, phúc địa trong dân gian Trung bộ. *Đạo giáo phù lục* được tầng lớp bình dân ở Trung bộ đón nhận một cách rộng rãi bởi hệ phái này có nhiều tương đồng với tín ngưỡng dân gian. Hai giáo phái thuộc *Đạo giáo phù lục* có ảnh hưởng ở

miền Trung là *Chính Nhất đạo* (正一道) và *Toàn Chân đạo* (全真道), trong đó Chính Nhất đạo có ảnh hưởng sâu sắc và phổ biến hơn cả.

2.1.3. Đạo quán và cơ sở thờ tự

Quán Đạo giáo chính thống ở Trung bộ khá ít, thường được biểu hiện dưới hình thái hỗn dung với các xưng như "quán" (觀) "cung"(宮), "tự" (寺), miếu (廟), đền, chùa.v.v.Một số Đạo quán và cơ sở thờ tự Đạo giáo tiêu biểu của vùng như: *Linh Hựu quán* ở trong Hoàng Thành và đường Nguyễn Chí Thanh-Huế, *Thiên tôn quán* (Hưng Nguyên-Nghệ An), Thiên Tôn quan tự (Triệu Phong-Quảng Trị). Đại đa số đạo quán ở Trung bộ ngày nay đều biến thành chùa Phật như *Quán Thánh* (Thọ Xuân-Thanh Hóa), *Chùa Đế Thích* (Quỳnh Lưu-Nghệ An), *chùa Kính Thiên* (Quảng Bình). Cũng có trường hợp chùa Phật cũng biến thành đạo quán như *chùa Linh Quang* ở thôn Tiền Kiên (Triệu Giang-Triệu Phong-Quảng Trị). Hệ thống cung quán của người Minh Hương ở các thương cảng thời Trung đại và các điện, am trong tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt cũng là những cơ sở thờ tự thần linh Đạo giáo.

2.2. Tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

2.2.1. Bối cảnh hình thành và phát triển

Sự hình thành và phát triển của tín ngưỡng dân gian người Việt ở miền Trung được diễn ra trong các bối cảnh văn hóa đa dạng, trong đó đáng chú ý là bối cảnh giao lưu văn hóa tộc người và dung hợp tôn giáo. Trên bình diện giao lưu văn hóa tộc người, tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ hình thái tín ngưỡng tổng hợp phát triển trên cốt lõi tín ngưỡng dân gian truyền thống của người Việt ở phía Bắc, kế thừa tàn dư tín ngưỡng của cư dân Chàm và dung hợp tín ngưỡng của người Hoa nhập cư. Trên bình diện dung hợp tôn giáo, bối cảnh hình thành và vận động của tín ngưỡng dân gian người Việt ở Trung bộ còn chịu ảnh hưởng đáng kể từ các tôn giáo lớn, đặc biệt là Tam giáo.

2.2.2. Phạm trù và đặc điểm

Tín ngưỡng dân gian vùng Trung bộ được biểu hiện trên ba phạm trù cơ bản: thờ cúng tổ tiên, thờ thần và thờ cúng vật linh (Vinh, 1995a). Trong đó, thờ cúng tổ tiên là phạm trù quan trọng và phổ biến nhất. Đặc điểm cơ bản của tín ngưỡng khu vực này là sự đan xen và kết hợp nhiều hình thái tín ngưỡng bản địa, ngoại lai, sự hòa trộn giữa các truyền thống tôn giáo lớn với các loại hình tín ngưỡng của các dân tộc khác đã làm cho tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ trở nên đa dạng.

2.3. Quan hệ cộng sinh giữa tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo ở Trung bộ

2.3.1. Bối cảnh lịch sử và triết học của sự cộng sinh

Trên phương diện lịch sử, Đạo giáo ngay từ khi mới ra đời vốn là một tôn giáo được thể chế hóa từ tín ngưỡng dân gian, là tập hợp các tín ngưỡng truyền thống có nguồn gốc từ thời cổ đại. Ngoài ra, các dòng di cư và tuyến mậu dịch trên địa bàn Trung bộ góp phần lan tỏa và tiếp nhận các yếu tố văn hóa Đạo giáo vào tín ngưỡng dân gian. Bên cạnh đó, sự suy yếu vị thế của Đạo giáo dưới thời Lê-Nguyễn cũng khiến Đạo giáo hòa mình vào tín ngưỡng dân gian như một phương thức tồn tại. Ngoài ra, xu hướng bản địa hóa của Đạo giáo Việt Nam bắt đầu diễn tiến từ thế kỷ XVI càng đưa thu hẹp khoảng cách và thúc đẩy cho sự cộng sinh giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian.

Trên phương diện triết học, cả Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian đều có những nền tảng triết học cơ bản dựa trên nguyên tắc cân bằng, hòa hợp và sự tương thông giữa con người, linh hồn, thần linh và vũ trụ. Cả hai hệ thống đều có quan điểm triết học tương đồng về sự

vận động và tuần hoàn của con người và vạn vật, cùng hướng đến các mục tiêu tâm linh mang tính thực tiễn để có được sự bình an và thịnh vượng trong đời sống hiện tiền.

2.3.2. Bối cảnh văn hoá của sự cộng sinh

2.3.2.1. Nền tảng tương đồng của việc sùng bái và thực hành nghi lễ, ma thuật

Cả Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian đã có những nền tảng tương đồng về sự sùng bái quỷ thần, các hoạt động vu thuật, kê bốc nguyên thủy. Đó vốn là những tín tục đã sẵn có trong đời sống tín ngưỡng tôn giáo của người Việt trước khi họ tiếp nhận Đạo giáo, vì vậy các hình thái tín ngưỡng và ma thuật này đã sớm hòa nhập với Đạo giáo từ thời kỳ đầu tiếp xúc. Nền tảng tương đồng và mối quan hệ gần gũi này là điều kiện thuận lợi để tín ngưỡng dân gian tiếp nhận các yếu tố Đạo giáo một cách tự nhiên và thuận lợi.

2.3.2.2. Truyền thống dung hợp Tam giáo và sự tiếp nhận của tín ngưỡng dân gian

Dưới ảnh hưởng của truyền thống Tam giáo, diện mạo của Đạo giáo dân gian Trung bộ đa phần được biểu hiện dưới hình thức pha trộn Nho-Phật-Lão. Trong diện mạo tổng hợp đó đã tạo nên bối cảnh văn hóa dung hợp và cởi mở, những tương tác giữa tín ngưỡng dân gian đại phương với Đạo giáo có thể diễn ra trực tiếp và gián tiếp qua khuôn khổ dung hợp Tam giáo. Bằng cơ chế tương tác này, theo từng giai đoạn lịch sử, hệ thần linh Đạo giáo được kết hợp và điều chỉnh một cách tự nhiên nhưng có chọn lọc, phù hợp với khuôn khổ tín ngưỡng và tập quán địa phương khi tích hợp vào thần điện của tín ngưỡng dân gian.

2.3.2.3. Sự gặp gỡ của hai xu hướng: Đạo giáo hoá và dân gian hoá

Quá trình chuyển đổi và dung nạp các yếu tố văn hóa bên ngoài vào khuôn khổ Đạo giáo diễn ra xuyên suốt cả trước và sau khi Đạo giáo được truyền vào Việt Nam. Đây là quá trình mà Đạo giáo trong khuôn khổ giáo lý của mình đã dung nạp và tái diễn giải các tín tục, nghi lễ dân gian và tích hợp một số thần linh địa phương. Ngược lại, xu hướng dân gian hóa đã tiếp nhận và điều chỉnh các yếu tố Đạo giáo rồi dung nạp vào tín ngưỡng dân gian. Đó là quá trình đơn giản hóa và tái diễn giải Đạo giáo để tích hợp vào tín ngưỡng dân gian và đời sống văn hóa của cộng đồng địa phương ở Trung bộ. Ngoai ra, quá trình bản địa hóa cũng là một khía cạnh khác của sự gặp giữa hai xu hướng Đạo giáo hóa và dân gian hóa ở Việt Nam nói chung và Trung bộ nói riêng.

2.3.3. Các chiều kích cộng sinh

2.3.3.1. Cộng sinh về niềm tin

Sự tương đồng về niềm tin giữa hai hệ thống là cơ sở cho phép người Việt dung hợp hợp một cách hài hòa các tín lý và thực hành của cả Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Sự cộng sinh trên phương diện niềm tin tạo nên tâm thái cởi mở, chấp nhận và thích nghi lẫn nhau, cho phép các yếu tố Đạo giáo hòa trộn và củng cố các yếu tố tín ngưỡng dân gian trong một khuôn khổ văn hóa chung. Đồng thời sự pha trộn hai truyền thống tín ngưỡng tôn giáo này cũng tạo nên niềm tin tổng hợp, giúp con người có nền tảng tâm linh toàn diện để giải quyết các vấn đề hiện sinh của đời sống.

2.3.3.2. Cộng sinh về tính ứng dụng

Cả Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian đều có những điều chỉnh, thích nghi để gia tăng tính liên quan và phù hợp với thực tiễn văn hóa khu vực Trung bộ. Động thái này được thể hiện ở cách mà các yếu tố Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian giải quyết các nhu cầu và mối quan tâm thực tế của người dân miền Trung. Tín ngưỡng dân gian Trung bộ dung nạp hệ thần linh, nghi lễ, phù thuật của Đạo giáo dân gian trong khuôn khổ chủ đích giải quyết các vấn đề thực tại của đời sống, các mục tiêu tức thời và trước mắt.

2.3.3.3. Cộng sinh về giá trị

Sự cộng sinh giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian đã phát huy được những vai trò và đem lại tác dụng đáng kể. Sự kết hợp này có công năng và ý nghĩa nhất định trong đời sống tâm linh, kiến tạo bản sắc văn hóa vùng cũng như tăng cường gắn kết xã hội. Sự cộng sinh đã góp phần làm phong phú thêm đời sống tâm linh với nhiều nghi lễ đa dạng, nó còn góp phần làm chuẩn hóa đời sống nghi lễ dân gian, kiến tạo bản sắc từng địa phương. Ngoài ra, các yếu tố liên quan Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian như các nghi lễ gai đình và cộng đồng đã thúc đẩy sự gắn kết xã hội. Cuối cùng, sự cộng sinh các yếu tố Đạo giáo cũng giúp cho tín ngưỡng dân gian định hình trong mối quan hệ với các tôn giáo khác.

Tiểu kết chương 2

Sự hình thành, vận động và phát triển của cả tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo ở Trung bộ có mối quan hệ mật thiết với quá trình di cư và giao lưu văn hóa tộc người. Nền tảng tương đồng của việc sùng bái và thực hành nghi lễ, ma thuật sơ khai, cùng với khuôn khổ thể chế của Đạo giáo, đã tạo điều kiện cho sự kết hợp tự nhiên và liền mạch các yếu tố Đạo giáo vào tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Mặt khác, sự hoà trộn thần linh Tam giáo trong tín ngưỡng dân gian cũng tạo ra một bối cảnh cởi mở và hòa nhập, cho phép tín ngưỡng dân gian tiếp nhận trực tiếp và gián tiếp các yếu tố Đạo giáo. Cơ chế tương tác này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết hợp có chọn lọc và tự nhiên hệ thống thần linh Đạo giáo vào nền tảng tín ngưỡng địa phương. Ngoài ra, sự gặp gỡ của hai xu hướng Đạo giáo hoá và dân gian hoá cũng đã tạo nên tính lai tạp trong hệ thống thần điện dân gian, thúc đẩy quá trình bản địa hóa Đạo giáo Việt. Mối quan hệ giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian Trung bộ là mối quan hệ cộng sinh. Một mặt, Đạo giáo trong giai đoạn suy tàn đã hòa mình vào tín ngưỡng dân gian để tồn tại và phát triển theo hướng dân gian hóa. Đồng thời tín ngưỡng dân gian đã tích hợp các yếu tố Đạo giáo để bổ túc và phong phú hóa nội dùng và công năng của mình, đáp ứng được nhu cầu đa dạng của đời sống thế tục ở dân gian.

Chương 3.
NGHI LỄ LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠO GIÁO TRONG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

3.1. Tổng quan về nghi lễ Đạo giáo

Hệ thống nghi lễ Đạo giáo được gọi bằng một số danh xưng như: *khoa nghi, pháp sự, pháp hội, khoa phạm, nghi quỹ*,… Nghi lễ Đạo giáo bao gồm hai loại hình nghi lễ lớn là Trai và Tiếu, gọi chung là Trai Tiếu với hai nội dung Trai Pháp và Tiếu pháp. Hệ thống *Trai pháp* của Đạo giáo bao gồm *Nội trai* (tức *Nội tu trai pháp*) và *Ngoại Trai* (tức *Tế độ trai pháp*). *Nội trai* là các nghi thức tu trì bên trong của cá nhân Đạo sĩ. *Ngoại trai* là các nghi lễ mà Đạo sĩ thực hành ở bên ngoài cho người khác. Hệ thống *Tiếu pháp* gồm nhiều *tiếu nghi* khác nhau, trong đó nổi bật là hai nhóm *Thanh tiếu* và *U tiếu*. *Thanh tiếu* là các nghi lễ lo việc dương Bảo thai tiếu (bảo hộ thai nhi), Bảo tự tiếu (cầu tự), Diên sanh tiếu (cầu kéo dài thọ mạng), Nhương tai tiếu (tiêu trừ tai ách), Giải tinh tiếu (cúng sao), An trạch tiếu (trấn trạch, trừ tà nơi ở), Cầu an thanh tiếu (cầu bình an), Cửu Long tiếu (cầu mưa), Truyền độ tiếu (truyền thụ, ấn chứng cho đệ tử)…, *U tiếu* là những nghi lễ lo việc âm như: Vãng sanh tiếu (tiếp dẫn vong linh siêu thăng), An phần tiếu (trấn chỉnh mồ mã), Bạt vong tiếu (cứu độ vong linh), Phá tội tiếu (cứu độ người chết tiêu tai khổ ải ở địa

ngục)…

3.2. Loại hình nghi lễ liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

3.2.1. Loại hình nghi lễ cầu phúc

Đây là loại hình nghi lễ gắn với khái niệm Ngũ Phúc (Phúc, Lộc, Thọ, Hỷ, Tài) của Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian. Nó bao gồm các nhóm nghi lễ cầu phúc, nhóm nghi lễ kết giao, sinh nở và nhóm nghi lễ cầu tài lộc. *Các nghi lễ cầu an hướng đến* với các vị thần Đạo giáo có công năng ban phước như Thiên Quan tứ phước (thần Thiên Quan ban phước) để cầu an và cầu phúc lành, gắn. Đó là một chu trình nghi lễ tuần hoàn, thường diễn ra vào các thời điểm *Trọng Xuân* và *Trọng Thu*, đầu năm, cuối năm…để cầu phong điều vũ thuận, sức khỏe hạnh phúc, thôn xã bình an.

Các yếu tố Đạo giáo trong *nhóm nghi lễ kết giao và sinh nở* được thể hiện qua các nghi thức hôn lễ và cầu con. Những nghi lễ này gắn liền với các vị thần hôn nhân Đạo giáo như Nguyệt Lão (Ông Tơ- Bà Nguyệt) cùng các biểu tượng gắn kết trong hôn nhân, tiêu biểu là lễ cúng Ông Tơ-Bà Nguyệt trong đám cưới ở dân gian. Một số nghi lễ khác gắn với các vị thần Đạo giáo có chức năng hỗ trợ việc mang thai, sinh đẻ của phụ nữ, bảo hộ trẻ con như Tây cung Vương Mẫu (西宫王母), Kim Hoa Nương Nương (金花娘娘), Thập Nhị Hoa Bà (十二花婆)…Một số nghi lễ tiêu biểu như cầu con, cầu tự, đầy tháng,…

Sau cùng, *nhóm nghi lễ cầu tài lộc* thường gắn với hệ thổ thần và tài thần Đạo giáo. Chẳng hạn như bộ ba văn tài thần trong Đạo giáo là Tam Tinh: *Phúc tinh-Lộc tinh- Thọ tinh* mà dân gian thường gọi là *ba ông Phúc, Lộc, Thọ* được xem là đem lại tài lộc và tuổi thọ. Ngày nay, phổ biến hơn cả là các nghi lễ cầu tài lộc gắn với vị thổ thần Đạo giáo là Phúc Đức Chánh Thần (*Ông Địa)* hoặc vị tài thần Đạo giáo là Quan Thánh Đế Quân.

3.2.2. Loại hình nghi lễ nhương tai, giải ách

Đây là nhóm nghi lễ gắn với tín niệm về mối liên đới giữa các vị thần Đạo giáo với đời sống con người. Các nghi lễ nhương tai ảnh hưởng Đạo giáo gắn các vị thần trong hệ Tinh Tú Thần Ban (*Đẩu Mẫu, Nam Tào, Bắc Đẩu* và 60 vị thần *Thái Tuế*) như lễ *Nhương sao giải hạn, lễ cúng Quan Sát*. Hay các nghi lễ cầu tránh khỏi tai ách với *Huyền Thiên Thượng Đế* hoặc gắn với vị thần chuyên giải trừ tai ách là *Thủy Quan* qua nghi lễ cúng Rằm tháng Mười. Đó có thể là quan niệm *vận hạn* trong chiều kích không gian thông qua các khái niệm về *sao chiếu mệnh, hạn, tam tai,...*nhằm chủ động phòng tránh, giảm thiểu tai họa cho mỗi cá nhân với nghi lễ *Nhương sao giải hạn* làm ví dụ. Đó còn là những nghi lễ gắn với quan niệm về cung mệnh trong chiều kích thời gian bởi ảnh hưởng thuyết *Mệnh lý, Bát tự* của Đạo giáo, tiêu biểu là nghi lễ *cúng Quan Sát.*

Tín ngưỡng dân gian Trung bộ còn có các nghi lễ hoá giải tai ách đã xảy ra. Các nghi lễ như *hoá vận, chuộc mệnh, thế mạng, chữa bệnh âm, đảo bệnh*…là những nghi lễ hoá giải tai ách thường thấy trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ. Phổ biến là những nghi lễ như: lễ thế mạng trong dân gian vốn ảnh hưởng từ khoa nghi *Mao nhân thế khoa* của Đạo giáo, *lễ sai vía, chữa bệnh âm*, bệnh *hành căn,...* gắn liền với quyền năng của các vị thần linh Đạo giáo.

3.2.3. Loại hình nghi lễ tế độ dương

Tế độ là những nghi thức cúng tế để cứu vớt cho con người qua cơn khổ ách, nghi lễ tế độ dương hướng đến mục đích hóa giải để đem lại bình an và phúc lành cho người sống. Trong tín ngưỡng dân gian, nhóm nghi lễ này bao gồm các nghi lễ thanh tẩy, làm thiêng, giải thiêng và các nghi lễ thiết lập hoặc hóa giải các liên kết xã hội. Cụ thể, các khoa nghi và nguyên lý thanh tẩy của Đạo giáo đã được dân gian áp dụng vào các nghi lễ như giải phong long, lễ tống mộc trừ tà, lễ vớt đất, bồi hoàn long mạch,… Tương tự, khoa nghi *Khai quang* của Đạo giáo cũng ảnh hưởng rõ nét đến các nghi lễ làm thiêng tượng thờ, an vị trong tín ngưỡng dân gian. Đồng thời, trên cơ sở nguyên lý giải thiêng và công năng luân chuyển tính thiêng của nghi lễ Đạo giáo, dân gian cũng xây dựng cho mình các tín tục và nghi lễ giải thiêng trên chu trình thiêng hóa-giải thiêng-tái thiêng hóa. Nhóm nghi lễ thiết lập và hóa giải các liên kết xã hội giữa con người và thần linh được biểu hiện rõ trong các nghi lễ bổn mạng, bán khoán, cắt duyên âm. Bản chất của các nghi lễ này là sự chuyển dịch mối quan hệ tâm linh của chủ thể với các dạng vật chất mang tính thiêng hoặc một đối tượng siêu nhiên nhằm đem lại một ước vọng được bảo hộ hoặc một trạng thái tự do khỏi các ràng buộc.

3.2.4. Loại hình nghi lễ tế độ âm

Dưới ảnh hưởng sâu rộng của loại hình nghi lễ *U tiếu* từ Đạo giáo, tín ngưỡng dân gian ở Trung bộ đã hình thành nên hệ thống nghi lễ tế độ âm nhằm đem lại trạng thái thỏa mãn, ổn thỏa và siêu thăng cho linh hồn. Hệ thống này được biểu hiện trong các hình thái cúng tế vật thực cho âm linh tổ tiên, quỷ thần, triệu hồn thỉnh vong, giải oan cắt kết, phá ngục, bạt độ trầm luân…mang đậm màu sắc Đạo giáo. Đó là dấu ấn luận thuyết hồn phách cùng với hệ thần quỷ ở Địa Phủ của Đạo giáo trong các nghi thức tang lễ ở dân gian. Đó là sự kế thừa các khao nghi Đạo giáo về *triệu hồn, chiêu hồn* hay *dẫn linh* khi người Việt bị thất lạc mộ phần, bất đắc kỳ tử hoặc mất thân xác. Nhóm nghi lễ tế độ âm còn bao gồm các nghi lễ hoá giải các mối oan kết giữa các linh hồn ở thế giới bên kia qua những hệ thống nghi lễ *Giải oan, Bạt độ* phức tạp nhằm đem lại trạng thái siêu thăng cho tổ tiên và linh hồn thân nhân.

3.3. Đặc điểm của nghi lễ liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

3.3.1. Đặc điểm biểu tượng

3.3.1.1. Nghi lễ dân gian và biểu tượng vũ trụ luận Đạo giáo

Các quan điểm vũ trụ luận Đạo giáo như Âm dương, Ngũ Hành đã ảnh hưởng sâu sắc đến cách mà người Việt khái niệm hóa thế giới, xây dựng các biểu tượng thần linh và thực hành nghi lễ trong tín ngưỡng dân gian ở Trung bộ. Đó là quan niệm nhị nguyên về thế giới dưới ảnh hưởng của thuyết Âm-Dương như: *âm- trần, cõi dương gian- cõi âm phủ, âm ti-dương thế, dương trạch- âm phần, sống-chết, đàn ông-đàn bà,* … Là hệ thống thần linh trong Ngũ Hành như *Ngũ Hành Tiên Nương, Ngũ Vị Thánh Bà, Bà Hỏa* (*Hỏa Đức Thánh Phi) Bà Thủy (Thủy Đức Thánh Phi)*…

3.3.1.2. Nghi lễ dân gian và biểu tượng Tam giới của Đạo giáo

Nghi lễ dân gian đã có ảnh hưởng sâu sắc từ kết cấu vũ trụ Tam giới Thiên Tào- Địa Phủ- Nhân Gian của Đạo giáo. Khá nhiều thần linh Đạo giáo trong kết cấu tam giới này là đối tượng của các nghi lễ trong tín ngưỡng dân gian. Trời, các vì tinh tú và các vị thần tiên ở thiên giới, thần linh địa ngục, các nhân thần ở nhân gian… là những đối

tượng lễ bái quan trọng trong hệ nghi lễ mùa tiết, cầu phúc trừ tai, hóa giải vận hạn, cho đến các nghi lễ bản mệnh và nghi lễ vòng đời ở dân gian. Thế giới quan về thần linh được biểu hiện trong các nghi lễ đó rõ ràng là sự phản chiếu cấu trúc vũ trụ luận phức tạp của Đạo giáo vào tín ngưỡng dân gian Trung bộ.

3.3.2. Đặc điểm cấu trúc

3.3.2.1.Đặc điểm cấu trúc thời gian

Nghi lễ dân gian được cử hành dựa trên sự quy chiếu với hệ thống lịch pháp Đạo giáo (*Đạo lịch* hay *Lục Thập Hoa giáp lịch)*. Ảnh hưởng của hệ quy chiếu này đã tạo nên một hệ thống khái niệm mới được sử dụng để xác định thời điểm để tổ chức các nghi lễ ở dân gian. Thời gian cử hành nghi lễ được kết nối với các quan điểm Đạo giáo, từ đó được quy gán cho các đặc tính *tốt-xấu, tích cực-tiêu cực, tương hợp- tương khắc*. Nó biểu thị trên các khái niệm như *hoàng đạo-hắc đạo, giờ tốt-giờ xấu, ngày tốt-ngày xấu*. Hệ thống lịch pháp đó trở thành cơ sở để các vị thầy cúng, đạo sĩ dân gian lựa chọn thời điểm tổ chức nghi lễ phù hợp với niềm tin tâm linh của họ.

Nghi lễ trong tín ngưỡng dân gian cũng chịu ảnh hưởng từ các nghi lễ Thánh đản Đạo giáo. Sự trùng hợp thời điểm giữa hệ nhiều lễ tiết dân gian với các ngày vía, ngày giáng hạ, ngày hóa thăng của các vị thần Đạo giáo mà tín ngưỡng dân gian tiếp nhận như Ngọc Hoàng Thượng Đế, Trương Thiên Sư, các vị thần trong Tam Quan Đại Đế, Quan Thánh Đế Quân, Thái Thượng Lão Quân, Định Phúc Tư Mệnh Táo Quân,…cho thấy mối quan hệ này.

3.3.2.2.*Đặc điểm cấu trúc thực hành*

Nghi lễ dân gian có mối quan hệ với quy trình nghi lễ Đạo giáo, chúng được thực hành theo những cấu trúc quy chuẩn mang tính quy phạm của Đạo giáo. Chẳng hạn, cấu trúc *Tam Hiến lễ* (*Sơ Hiến lễ, Á Hiến lễ* và *Chung Hiến lễ*) trong nghi lễ Đạo giáo đã được tiếp nhận đầy đủ trong các lễ tế lớn ở đình làng, họ tộc, chi nhánh. Ngay cả ở các cấp độ nghi lễ nhỏ hơn, những tập tục cúng *ba tuần rượu* (3 lần chiết rượu cúng), *3 lần cáo* (3 lần khấn) trong diễn trình của một nghi lễ dân gian cũng cho thấy rõ những ảnh hưởng đó.

Nghi lễ dân gian cũng mang cấu trúc cúng phẩm Đạo giáo. Năm loại cúng phẩm thường có trong nghi lễ dân gian bao gồm nhang, đèn, hoa, quả, rượu (hoặc trà, nước) cũng chính là năm vật phẩm trong *Ngũ Hiến* hay *Ngũ Cúng* của nghi lễ Đạo giáo. Cấu trúc lễ phẩm này ở dân gian cũng mang các lớp ý nghĩa biểu tượng tương đồng với cấu trúc cúng phẩm Ngũ Hiến trong Đạo giáo. Ngoài ra, các cúng phẩm như *Tam Sanh, Ế mao huyết* cùng ý nghĩa biểu tượng của nó cũng được dân gian tiếp nhận và thực hành linh hoạt nhằm phô bày lòng thành kính và gửi gắm ước vọng cầu mong nhận được sự ưu ái và phước lành từ thánh thần.

Nghi lễ dân gian cũng chứa đựng một số thực hành mang tính biểu tượng của nghi lễ Đạo giáo. Các thực hành kết nối với thần linh như đốt ba cây hương thể hiện cấu trúc Tam giới, cách sử dụng kiểu bái Thái Cực ấn hay số lần lạy trong nghi lễ dân gian cũng mang các ý nghĩa biểu tượng như trong Đạo giáo.

3.4.Động thái của nghi lễ liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

3.4.2. Tương tác với tín ngưỡng hồn linh: luân chuyển tính thiêng và mô thức hóa nghi lễ dân gian.

Các yếu tố nghi lễ Đạo giáo tham gia tương tác với tín ngưỡng hồn linh để xúc

tác cho sự luân chuyển của tính thiêng (thiêng hóa, giải thiêng hoặc tái thiêng) trong nghi lễ dân gian. Sự tương tác này đóng vai trò thiết lập, chuyển đổi hoặc hóa giải các mối liên kết xã hội và tâm linh giữa con người và thánh thần. Những yếu tố Đạo giáo còn tạo điều kiện cho việc thiết lập các mô thức nghi lễ được chuẩn hóa. Cụ thể, nó trở thành khuôn mẫu trong việc như biểu tượng hóa nghi lễ, phân hóa diễn trình, phân cấp cấu trúc và phẩm trật và thiết lập nhiều quy chuẩn khác trong thực hành nghi lễ dân gian. Động thái tương tác này đã khiến cho các nghi lễ trong tín ngưỡng dân gian vốn rời rạc, linh hoạt và cục bộ trở thành hệ thống được chuẩn hóa, có cấu trúc, được khuôn định chặt chẽ và thống nhất.

3.4.3. Tương tác với Phật giáo và xu hướng Phật giáo hóa nghi lễ

Sự suy tàn của Đạo giáo ở Việt Nam đã khiến bối cảnh truyền thừa và thực hành nghi lễ Đạo giáo bị gián đoạn và phân mảnh. Trong bối cảnh đó, nhiều Đạo sĩ, pháp sư Đạo giáo đã chủ động hòa mình vào đời sống tín ngưỡng dân gian. Các yếu tố nghi lễ Đạo giáo đã tương tác và hòa quyện với các thực hành Phật giáo hoặc tín ngưỡng dân gian và ma thuật bản địa. Bên cạnh đó, hệ thống thần linh Đạo giáo vốn được tích hợp từ lâu đời trong chùa Phật cũng dần bị loại bỏ khỏi hệ thống thờ tự của nhiều ngôi chùa trước các cuộc cải cách Phật giáo cũng kéo theo sự mất dấu hoặc mai một các nghi lễ liên quan đến Đạo giáo trong dân gian.

Mặt khác, nghi lễ Đạo giáo cũng tương tác và dung hợp vào nghi lễ Phật giáo qua sự tiếp nhận chủ động từ các tu sĩ. Với truyền thống dung hợp Tam giáo sâu xa trong lịch sử, nhiều nghi lễ Đạo giáo đã được các tu sĩ đảm nhận như một sự kế tục truyền thống nghi lễ vốn có của nhà chùa. Dù đứng ở vị thế yếu, nhưng các yếu tố nghi lễ Đạo giáo vẫn có những giá trị không thể phủ nhận, được nghi lễ Phật giáo duy trì bởi nó bổ khuyết được những khoảng trống mà nghi lễ Phật giáo và nghi lễ các tín ngưỡng dân gian bản địa không lấp đầy được.

Tiểu kết chương 3

Ba nhóm loại hình nghi lễ cầu phúc, giải ách nhương tai và tế độ cho thấy các yếu tố Đạo giáo đã được tín ngưỡng dân gian tiếp nhận như là thao tác chuẩn hóa để hoàn thiện khả năng đáp ứng đa dạng các mục đích thực hành của người Việt từ truyền thống đến đương đại. Các đặc điểm và động thái của nghi lễ liên quan đến Đạo giá phản ảnh rõ ảnh hưởng của nghi lễ dân gian trên các phương diện vũ trụ luận và cấu trúc thế giới, thần linh của Đạo giáo. Những động thái tương tác với tín ngưỡng hồn linh bản địa và với Phật giáo. đã xúc tác cho sự luân chuyển của tính thiêng và mô thức hóa nghi lễ dân gian phản ánh các bối cảnh lịch sử và văn hóa của xu hướng Phật giáo hóa trong thực hành nghi lễ tín ngưỡng dân gian ở miền Trung hiện nay.

Chương 4.
PHÙ THUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠO GIÁO TRONG TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

4.1. Tổng quan về phù thuật Đạo giáo

Phù thuật Đạo giáo, theo nghĩa rộng chính là *Đạo thuật*, tức chỉ một tập hợp gồm năm loại hình pháp thuật khác nhau của Đạo giáo, gồm *Sơn thuật, Y thuật, Mệnh thuật, Tướng thuật, Bốc thuật* gọi chung là *Ngũ thuật.* Theo nghĩa hẹp, phù thuật Đạo giáo chính là *Phù chú thuật*, tức bùa chú Đạo giáo, một thuật môn trong *Sơn thuật*. Phù và

chú thường gắn bó mật thiết, pha trộn nên thường được gọi chung là phù chú, hay bùa chú hoặc bùa. Bùa chú Đạo giáo là hệ thống phép thuật và biểu tượng của linh giới, bao gồm bốn thành phần cơ bản là *Phù, Chú, Ấn, Đẩu*.

4.2. Loại hình phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

4.2.1. Loại hình phù thuật tiên đoán

Các hình thái *Bốc thuật* của Đạo giáo như hệ thống luận đoán *Tử vi, Nhâm độn*, các phép coi ngày theo Ngũ Hành, Thiên Can, Địa Chi, Thập Nhị Kiến Trừ, Nhị Thập Bát Tú, Kinh Kim Phù, Lục Diệu… đã có ảnh hưởng rõ nét đối với các hình thái *bói toán* dân gian như *xem ngày, xin xăm, xin quẻ, coi giò* trong tín ngưỡng dân gian. Thuật môn *tướng thuật* của Đạo giáo, mà nổi bật là *trạch tướng* và *mộ tướng* cũng là những phép bói hiện hiện một cách sâu rộng trong đời sống tín ngưỡng dân gian, từ tiên đoán gia trạch, mộ phần, điều chỉnh, xử lý bằng trấn yểm, điều hướng, hoặc thực hành nghi lễ. Các hình thái Bói toán liên quan đến Đạo giáo đã được dân gian vận dụng như là cách thức tiên đoán và quản lý các chiến lược tâm linh và ứng xử cá nhân và cộng đồng.

4.2.2. Phù thuật bảo vệ và phòng vệ

Các yếu tố Đạo giáo được dân gian tiếp nhận và thực hành dựa trên hai nền tảng căn bản. Thứ nhất, nguyên lý phòng vệ trong khoa phong thủy Đạo giáo đã được vận dụng vào các loại hình phù trấn phong thủy. Thứ hai, công năng bảo hộ của các vị thần Đạo giáo được người Việt đưa vào các hinh thái phù thuật bảo hộ nhà cửa và con người trong tín tục dân gian. Những phù trấn phong thủy ảnh hưởng Đạo giáo như *Trấn phong, hổ phù, Tiên Thiên Bát quái* đã tham gia vào đời sống tín ngưỡng dân gian như những hiện vật thiêng có công năng trấn vệ. Các loại phù thuật bảo hộ nhà cửa ở dân gian đã dựa vào hệ nhân thần của Đạo giáo như Lỗ Ban, Khương Thái Công với một sức mạnh thiêng có khả năng trấn áp tà quỷ trong lĩnh vực xây dựng, tạo tác. Một số hình thái phù thuật Đạo giáo dân gian Việt Nam như bút tích giáng bút, ấn thánh hoặc máu thánh để tạo nên một số dạng bùa *hộ mệnh*, và được tin rằng có sức mạnh bảo hộ thân mạng con người.

4.2.3. Phù thuật trấn ngự và điều chỉnh

Các nguyên lý trong *Trấn thuật* Đạo giáo hiện diện trong nhiều hình thái phù thuật dân gian dưới một số tên gọi như *yểm, ếm, tống, nhương*. Trong đó, các hình thái *Trấn trạch* hiện diện rất phổ biến trong tín ngưỡng dân gian miền Trung với mục đích bảo vệ nhà cửa và đất đai trước tác động các trường khí xấu hay tà ma, quỷ quái. Loại hình phù thuật này được biểu hiện đa dạng qua các hình thức trấn như Thạch Cảm Đương, Khương Thái Công, tượng hổ, tượng chó đá, quả bầu tiên, gương, tranh hoặc phức tạp hơn như dùng thần sa, chu sa hoặc các loại bùa trấn trạch chuyên biệt. Ngoài ra, loại hình phù thuật này còn bao gồm một số hình thái trấn bằng linh vật như chó đá, bằng thần hiệu như Thạch Cảm Đơng, trấn bằng biểu tượng thiêng như Hậu Thiên Bát Quái Đồ nhằm mục đích trấn ngự trước các trạng thái *xung, hung, sát* trong quan niệm dân gian. Ngoài ra, dân gian còn có loại hình phù thuật điều chỉnh thông qua nguyên lý thanh tẩy bằng việc vận dụng tổng hợp các quan niệm về uế-tịnh, âm- dương, hồn vía và quan niệm về công năng của các loại vật chất thiêng như chu sa, thần sa, cũng như hệ thần linh có chức năng trừ uế tạp như Ngũ Lôi, Hoa Quang Đại Đế….

4.2.4. Phù thuật hóa giải, trừ tai

Loại hình phù thuật này bao gồm các loại hình bùa chú trấn áp trước các biến cố của thiên tai, bệnh tật vốn dựa trên sức mạnh của các thần linh Đạo giáo như Bắc Đế Chân Vũ, Đông Nhạc Đại Đế, Tử Vi Đại Đ hoặc các câu thần chú như *Lục tự chân ngôn* hoặc danh hiệu của Âm Đẩu Thất Tinh…Phức tạp hơn, phù thuật Đạo giáo còn đóng vai trò nòng cốt trong các hình thái phù thuật hóa giải những cái chết bất thường, liên tiếp mà dân gian gọi là *trùng tang, trùng tang liên táng* để tiêu trừ tai họa cho người sống. Hệ pháp thuật ảnh hưởng Đạo giáo này được dân gian gọi là "*yểm trùng", "giải trùng"*. Đây là loại hình phù thuật tổng hợp vận dụng rất nhiều chủng loại bùa chú, nhiều vị thần Đạo giáo khác nha nhằm hóa giải và triệt tiêu các mối tai ương. Loại bùa tiêu biểu cho loại hình này là *bộ áo Lục Thù Hải Hội* với sự xuất hiện hệ thống phù thuật xen lẫn Đạo giáo, Phật giáo rất phức tạp.

4.3. Đặc điểm của phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

4.3.1. Phù thuật dân gian chứa đựng nội dung của Ngũ thuật Đạo giáo

Mỗi loại hình trong Ngũ thuật Đạo giáo (*Sơn thuật, Y thuật, Mệnh thuật, Tướng thuật* và *Bốc thuật*) đều có ảnh hướng nhất định trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ, trong đó, *Sơn thuật, Tướng thuật* và *Bốc thuật* là ba lĩnh vực có ảnh hưởng mạnh mẽ. Trước tiên, đậm nét hơn cả là *thuật Phù chú,* thuật môn trong *Sơn thuật* này được dân gian Trung bộ tiếp thu rõ nét cả trên phương diện nguyên lý và biểu tượng, trong đó lấy ấn quyết, phù hiệu và chú ngữ Đạo giáo làm nòng cốt. Thứ đến, một số thuật môn trong Tướng thuật của Đạo giáo như Thiên Tướng thuật, Địa Tướng thuật, Nhân tướng thuật, Trạch Tướng thuật… cũng ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống phù thuật dân gian miền Trung. *Bốc thuật* mà cụ thể là *Chiêm bốc* và *Kỳ Môn* cũng tham gia ở những mức độ ảnh hưởng khác nhau. Ngoài ra, phù thuật trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ cũng tích hợp một số nội dung của hai thuật môn Y thuật và Mệnh thuật. Tri thức y thuật, phương dược Đạo giáo được những *thầy mằn, thầy lang* áp dụng vào việc bốc thuốc, châm cứu. Các sách Mệnh thuật Đạo giáo như *Chu Dịch, Mệnh Lý Bát Tự, Tử Vi Đẩu Số,*...được các thầy tướng số áp dụng trong việc tiên đoán vận mệnh. Hay , một số tín tục về bùa chú trong *Sơn thuật*, bói toán trong *Bốc thuật*, xem nhà cửa, bếp núc, mồ mã trong *Trạch tướng, Mộ tướng* đã thực sự trở thành một phần không thể tách rời của đời sống tín ngưỡng dân gian khu vực này.

4.3.2. Phù thuật dân gian mang cấu trúc thành phần của phù thuật Đạo giáo

Các đặc điểm cấu trúc *Phù, Chú, Ấn, Đẩu* cũng được tìm thấy trong các loại bùa chú liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của Trung bộ. Trước hết *Bùa dân gian chịu ảnh hưởng hệ thống phù đồ Đạo giáo.* Hệ thống phù đồ như *Tam Thanh, Nhật-Nguyệt, Nhật-Nguyệt-Tinh, Bắc Đẩu Thất Tinh, Nam Đẩu Lục Tinh, Nhị Thập Bát Tú, Phong, Vũ, Lôi, Điện* biểu trưng cho một quyền lực thần thánh Đạo giáo ngự trị trong một đào bùa.

Bên cạnh đó, bùa chú dân gian còn chịu ảnh hưởng chú ngữ Đạo giáo. Những câu thần chú, khẩu quyết hoặc kinh văn được truyền dạy trong nội phái hoặc được truyền tải trong các sách chú thuật Đạo giáo được lan tỏa và ảnh hưởng xuống dân gian, được các thầy bùa sử dụng như là một thành phần quyết định đến sự hiệu nghiệm của một đạo bùa.

Ngoài ra, bùa chú dân gian còn chịu ảnh hưởng từ *ấn, quyết, đẩu* Đạo giáo. Đó là các hệ *thủ quyết* và *pháp ấn* được các thầy pháp dân gian sử dụng trong nhiều nghi lễ và thực phù thuật khác nhau như trai tiếu, triệu thỉnh thần linh, tiêu diệt tà ma quỷ

quái, cầu thần linh ban ơn giáng phước, trấn yểm, làm thiêng bùa...

4.3.3. Cơ chế tạo sinh, phương thức sử dụng của bùa chú dân gian và những ảnh hưởng của bùa chú Đạo giáo

Bùa chú dân gian được hình thành trên cơ sở các bí pháp Đạo giáo. Một một số lượng đáng kể *bùa, chú, thuật* trong tín ngưỡng dân gian được thực hành dựa trên các bí pháp Đạo giáo và nền tảng phù thuật Đạo giáo. Đó là hệ thống pháp thuật bí truyền như thần chú, mật chú, bắt quyết, làm thiêng bùa và nuôi âm binh tại am riêng, được truyền dạy kín trong nội bộ qau hệ thống văn bản mang tính công truyền hoặc ngôn truyền.

Phương thức sử dụng bùa chú dân gian tương đồng với các dụng pháp bùa chú của Đạo giáo. Các pháp dùng bùa vốn có của Đạo giáo như *hóa pháp (đốt), bội pháp (đeo), thiếp pháp (dán), ngật pháp (uống), chử pháp (sắc), sát pháp (xoa)* và *tẩy pháp (tắm rửa).* cũng được dân gian tiếp nhận và sử dụng với không nhiều sai khác.

4.4. Động thái của phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ

4.4.1. Một giao điểm phức tạp: sự kết hợp với phù thuật Mật tông và các truyền thống phù thuật khác

Phù thuật Đạo giáo khi được tiếp nhận vào tín ngưỡng dân gian Trung bộ đã có những tương tác phức tạp với nhiều truyền thống phù thuật khác. Trong đó, đáng chú ý là sự kết hợp với phù thuật Phật giáo Mật Tông. Một số đạo bùa trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ cho thấy sự kết hợp rõ nét các biểu tượng vũ trụ luận của Đạo giáo (như Bát Quái, Ngũ Phương) với Lục tự Đại Minh Thần Chú (*Án Ma Ni Bát Mê Hồng*), biểu tượng Phật Mẫu Chuẩn Đề, biểu tượng Chuẩn Đề Tự Luân Quán Đồ, chú Chuẩn Đề trong Mật giáo. Ngoài ra, phù thuật Đạo giáo còn kết hợp với Tịnh Độ tông qua các biểu tượng về phật A Di Đà, Quán Thế Âm thần chú. Động thái tương tác với nhiều truyền thống phù thuật khác nhau đã tạo nên một diện mạo phù thuật đa dạng và phức tạp ở Trung bộ.

4.4.2. Mở rộng ranh giới truyền thống: những tùy biến trong bối cảnh hiện đại của phù thuật

Phù thuật Đạo giáo hay những phiên bản của nó trong tín ngưỡng dân gian không bị loại bỏ trong xã hội hiện đại, ngược lại nó vẫn tồn tại, đáp ứng nhiều nhu cầu đa nghĩa phát sinh trong cảnh huống và mục đích đa dạng của một xã hội đang thay đổi không ngừng. Phù thuật không chỉ vẫn tồn tại trong thời hiện đại mà cái hiện đại còn tạo ra những ý nghĩa mới cho phù thuật. Các loại bùa Đạo giáo trước đây vốn có phạm vi sử dụng trong đời sống tôn giáo, ngày nay phù thuật đã mở rộng ranh giới, tham gia giải quyết vấn đề trên nhiều chiều kích, đáp ứng sự gia tăng nhu cầu của đời sống thế tục. Một số minh chứng tiêu biểu cho sự mở rộng ranh giới này là sự tham gia của bù chú vào lĩnh vực giao thông hiện đại, bùa chú và các mối quan hệ cạnh tranh và bất an của thị trường như thúc đẩy tiến độ giao dịch bất động sản, đòi nợ, triệt hạ đối thủ cạnh tranh,…

Tiểu kết chương 4

Đặc điểm và loại hình phù thuật liên quan đến Đạo Giáo trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ phản ánh mối quan hệ đa chiều và sâu sắc giữa các hình thái phù thuật dân gian với phù thuật Đạo giáo. Nó minh chứng vai trò quan trọng của của các yếu tố Đạo giáo trong việc định hình nên đặc trưng văn hóa phù thuật của người Việt. Nó cũng cho

thấy sự linh hoạt và sức sáng tạo của các yếu tố tín ngưỡng, ma thuật nội sinh trong quá trình tiếp biến với các yếu bên ngoài, tính chất đó cũng đã tạo nên sự phong phú và đa sắc màu của tín ngưỡng dân gian người Việt ở Trung bộ.

Chương 5.
MỘT SỐ LUẬN BÀN VỀ NGHI LỄ VÀ PHÙ THUẬT LIÊN QUAN ĐẾN ĐẠO GIÁO TRONG TÍN NGƯỠ NG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI VIỆT Ở TRUNG BỘ

5.1. Các định kiến và quan điểm đa chiều về nghi lễ và phù thuật

5.1.1. Các định kiến về nghi lễ và phù thuật

Lịch sử ngành dân tộc học và nhân học đã có thời gian dài áp đặt các phạm trù cứng nhắc vào các truyền thống nghi lễ, phù thuật trong tín ngưỡng dân gian. Quan điểm tiếp cận tiến hóa tôn giáo trong nhân học thời kỳ đầu đã quy gán nghi lễ, phù thuật trong tín ngưỡng dâ gian là những hình thái nguyên thủy, sơ khai, thấp kém. Chủ nghĩa thực chứng cổ điển lại diễn giải nghi lễ và phù thuật trên khung đối sánh ma thuật-tôn giáo-khoa học, còn tín ngưỡng dân gian bị quy chiếu vào khái niệm tôn giáo từ phương Tây. Lối diễn giải này đã dẫn đến tín ngưỡng dân gian bị xem là thấp kém hơn tôn giáo có thể chế, đồng thời những hành vi tâm linh bí ẩn, một số nghi lễ dân gian, thực hành bói toán, bùa chú… bị dán nhãn là *lạc hậu, mê tín*. Những định kiến này cũng tác động đến chính sách của Nhà nước đối với tín ngưỡng dân gian.

5.1.2. Những quan điểm đa chiều về nghi lễ và phù thuật

Dưới lăng kính chức năng luận, các dạng thức thực hành nghi lễ, phù thuật tín ngưỡng được chú ý xem xét đến tính thống nhất trong các loại hình tôn giáo tín ngưỡng, góp phần xóa mờ sự so sánh cao-thấp giữa tín ngưỡng và tôn giáo. Thực hành nghi lễ được nhấn mạnh vào vai trò định hình và củng cố các chức năng xã hội của nó, đặc biệt là kiến tạo và củng cố bản sắc ở cấp địa phương. Tuy nhiên, lăng kính này cũng có vẻ gặp khó khăn trong việc giải quyết các khía cạnh đặc thù hơn của phù thuật, vì vậy, phù thuật vẫn là chủ đề nhạy cảm, bị gạt ra ngoài lề.

Hệ hình chủ nghĩa kiến tạo của nhân học hiện đại đưa ra những diễn ngôn khác biệt với những gì vốn được đề cập một cách phổ biến trong các khuôn khổ diễn giải truyền thống. Nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian được nhấn mạnh đến tính đa dạng về ý nghĩa và trải nghiệm tôn giáo. Họ không chỉ xem xét các chức năng mà còn chú ý các bối cảnh, các chiều kích biểu tượng, cũng như các trải nghiệm tôn giáo và cảm xúc.

Những luận bàn về những định kiến và quan điểm đa chiều ở phần này nhằm nói lên bản chất phức tạp, khó nắm bắt của nghi lễ và phù thuật và tính tương đối của hệ hình nghiên cứu khi tiếp cận chúng. Tính tương đối văn hóa đặt ra việc cần chấp nhận những diễn giải đa nguyên và khác biệt từ các hệ hình nghiên cứu khác nhau trong đánh giá nghi lễ và phù thuật dân gian.

5.2. Bối cảnh hóa nghi lễ, phù thuật liên quan đến Đạo giáo và những ý nghĩa ẩn tàng

5.2.1. Nghi lễ và phù thuật như là cách tri nhận thế giới và ứng xử văn hóa

Nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian phản ánh niềm tin, giá trị, quan niệm và cách ứng xử của cá nhân và cộng đồng người về thế giới. Nó cho thấy cách người

Việt định vị, diễn giải về mối tương quan Thiên-Địa-Nhân trong cấu trúc thế giới. Nó cũng phản ánh quan niệm về thế giới sóng đôi *tự nhiên-siêu nhiên*, *âm-dương* song hành của họ. Cuối cùng, nghi lễ và phù thuật cũng còn phản ánh quan niệm về nguồn gốc của bản thể và các giá trị đạo đức xã hội đi kèm.

5.2.2. Nghi lễ và phù thuật như là cơ chế kháng cự các mối đe dọa và tìm kiếm an ninh tinh thần

Trước hết, thực hành nghi lễ và phù thuật như là một công cụ để kiểm soát, một cơ chế bảo vệ trước các mối đe dọa được nhận thức hoặc ước đoán. Nó còn như là một cơ chế kháng cự trước các mối đe dọa hiện hữu, chống lại sự xui xẻo, bất trắc, hóa giải lo âu, sợ hãi. Thực hành nghi lễ và phù thuật còn là một sách lược mang tính văn hóa nhằm tìm kiếm an ninh tinh thần về sức khỏe tinh thần và thể lý. Chúng còn là một chiến lược tìm kiếm an toàn về sinh kế qua niềm tin được thần linh che chở, khả năng tiên đoán trước sự việc và sự quản lý các mối lo lắng. Sau cùng, nghi lễ và phù thuật còn là cách người Việt ở khu vực này giải quyết các mối bận tâm về linh hồn và cái chết của người thân ở thế giới bên kia nhằm tìm kiếm sự bình an và thanh thản cho bản thân. Như vậy, nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo như những khuôn mẫu văn hóa quan trọng mà qua đó giúp họ chủ động phòng vệ hoặc đối mặt với các mối đe dọa mang tính hiện sinh nhằm tìm kiếm an ninh tinh thần.

5.2.3. Nghi lễ và phù thuật như là truyền thống niềm tin về cái thiêng và sự ứng nghiệm

Niềm tin và sự ứng nghiệm là hai yếu tố cơ bản đó gắn kết chặt chẽ, nuôi dưỡng một hệ thống niềm tin và sự kính ngưỡng trong tâm thức tôn giáo của người Việt. Chúng thúc đẩy việc thực hành cũng như kiến tạo nên các lớp nghĩa tâm linh ẩn tàng nhưng then chốt của nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian. Tính thiêng hiện diện thường trực trong các di sản và thực hành tôn giáo bởi nó luôn được củng cố, luân chuyển và tái thiết lập. Các yếu tố nghi lễ và phù thuật Đạo giáo xúc tác cho sự thiết lập và luân chuyển này, đồng thời tham gia vào việc tạo ra các tác nhân của sự ứng nghiệm. Các quy chuẩn về cái thiêng trong nghi lễ và phù thuật Đạo giáo cung cấp nền tảng năng lượng tâm linh cho việc xây dựng tính hiệu nghiệm này, dù sự ứng nghiệm đó có thể được đặt vào các dạng vật chất, con người hay các vị thần linh.

5.3. Giá trị và thuộc tính văn hóa của nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo

5.3.1. Giá trị của nghi lễ và phù thuật

Giá trị văn hóa xã hội: Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ là phương tiện biểu hiện, duy trì các chuẩn mực và giá trị văn hóa-xã hội, góp phần quan trọng trong việc định hình và củng cố cấu trúc văn hóa tâm linh của người Việt ở vùng này. Trước hết, các yếu tố nghi lễ và phù thuật Đạo giáo nói riêng, thực hành nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian nói chung là những biểu hiện của các giá trị về chuẩn mực, truyền thống văn hóa và ý niệm về đạo đức. Chúng cũng được sử dụng như là một công cụ để gia cường các chuẩn mực văn hóa-xã hội. Ngoài ra, thực hành nghi lễ và phù thuật còn là cơ chế quan trọng trong việc thúc đẩy sự gắn kết xã hội, tham gia giải quyết xung đột, củng cố ý thức tập thể và nhận thức về bản sắc chung.

Giá trị tinh thần và tâm lý: Nghi lễ và một số phương thuật Đạo giáo cũng mang đến giá trị trị liệu. Chúng cũng tham gia vào việc trị liệu một số dạng thức bệnh tật mang tính văn hóa. Nghi lễ liên quan Đạo giáo cũng tăng cường liên kết các cá nhân với cộng đồng trong việc trấn an. Phù thuật cũng tăng cường sự lạc quan, gia cố niềm tin và hy vọng trước nỗi sợ hãi chống lại những lo âu, sợ hãi của cuộc sống. Các nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo đã cung cấp khuôn khổ văn hóa để người Việt Trung bộ diễn giải và tìm kiếm ý nghĩa trong các sự kiện trong cuộc sống, đặc biệt là những thời điểm khó khăn hoặc đau thương.

5.3.2. Thuộc tính văn hóa của nghi lễ và phù thuật

Nghi lễ và phù thuật là tàn dư, lạc hậu hay là một phần của cái hiện đại: Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian từng được xem là tàn dư của Đạo giáo hoặc là dấu tích "hóa thạch" sót lại của những thời đại đã qua, có vẻ như xơ cứng và lạc hậu. Tuy nhiên, dù là một phần quan trọng của truyền thống nhưng những thực hành này không đối lập với cái hiện đại, ngược lại, chúng vận động và tham gia vào một mối tương tác phức tạp với nó, động thái này cho thấy khả năng thích ứng năng động của chúng với sự đa dạng của đời sống đương đại.

Niềm tin ngây thơ hay là chiến lược lý tính: Nghi lễ, phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian không phải là niềm tin ngây thơ mà là dạng lý trí tinh thần có chủ đích, nơi mà hành động và niềm tin về chúng được dẫn dắt bởi các giá trị về tính thực tiễn, lý trí, chủ quan, tự do và cá nhân hóa. Chúng tập trung việc giải quyết các thách thức hiện sinh, các vấn đề thực tế, tháo gỡ những điều trước mắt và mang tính thực tiễn trong đời sống hiện tại. Tính lý trí thể hiện ở sự chắt lọc có chủ đích giá trị từ các truyền thống tôn giáo khác nhau, nó là sự phản ứng hợp lý khi đối mặt với sự lo lắng và những bấp bênh không thể đoán trước thậm chí đó là một chiến lược tìm kiếm an ninh tinh thần. Ngoài ra, chiều kích chủ quan và tự chủ được thấy rõ thông qua xu hướng cá nhân hóa và tự do hóa trong thực hành. Môi trường diễn giải và tiếp nhận của nó là rộng mở, một số biểu tượng nhất định có thể biểu hiện cho nhiều nội dung và ý nghĩa khác nhau theo quan điểm và mong muốn có chủ đích của riêng mỗi cá nhân hoặc nhóm cộng đồng.

5.4. Một số đặc trưng khu vực và những thách thức được dự báo

5.4.1. Một số đặc trưng khu vực

- Nghi lễ và phù thuật liên quan Đạo giáo ở Trung bộ lại mang rõ đặc trưng về tính pha trộn giữa các yếu tố bản địa và ngoại lai Việt, Hoa, Chăm.

- Nghi lễ và phù thuật ở Trung bộ cũng chịu ảnh hưởng Phật giáo đại thừa và xu hướng Phật giáo hóa ngày càng rõ ở cả hình thức, nội dung lẫn đội ngũ thực hành.

- Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo ở miền Trung vẫn chủ yếu vẫn nằm trong khuôn khổ truyền thống khoa nghi và phù chú Đạo giáo.

- Nghi lễ và phù thuật ở vùng này được tổ chức và truyền thừa chủ yếu qua hệ thống văn bản điển chế, kinh sách phái sinh và mang tính công truyền hơn là bí truyền hoặc tâm truyền như các pháp sư, thầy bùa, thầy mo, thầy ngải ở hai miền Nam Bắc.

-Hệ thống nghi lễ ở miền Trung cũng mang rõ ảnh hưởng của các truyền thống nghi lễ cung đình hơn.

- Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo ở miền Trung nổi bật với tính kháng cự bởi những thách thức về môi trường sống, bối cảnh lịch sử và truyền thống văn hóa đặc biệt của vùng.

5.4.2. Những thách thức được dự báo

- Việc lợi dụng nghi lễ, phù thuật và các hoạt động tín ngưỡng để trục lợi cá nhân, buôn thần bán thánh, lừa đảo tâm linh, lợi dụng tín tâm để hô hào cúng tế, cúng dường là những thách thức đáng kể trong xã hội đương đại.

- Sự mù quáng, thiếu hiểu biết trong thực hành nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo còn làm tăng thêm sự phụ thuộc quá mức của con người vào các thực hành này, tạo nên các trào lưu tâm linh mê tín, làm triệt tiêu động lực và nỗ lực tự thân của cá nhân, xã hội trong việc vượt lên những khó khăn và thách thức của đời sống.

- Thực hành nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo cũng còn có thể đối diện với thách thức xói mòn các giá trị văn hóa vốn có. Nghi lễ không còn mang tính thiêng, đánh mất giá trị truyền thống, bị sân khấu hóa, mang tính trình diễn hơn là hành vi của lòng tín tâm hoặc thực hành di sản. Các ý nghĩa văn hóa cộng đồng, đức tin và tinh thần có thể bị biến đổi từ sự sùng kính tâm linh, bản sắc tập thể sang tư lợi cá nhân, thương mại hóa.

- Những thực hành này tiếp tục gặp phải thách trước cách nhìn của chủ nghĩa thế tục và chủ nghĩa duy lý hiện đại. Chúng tiếp tục đứng trước sự hoài nghi, bác bỏ, bị xem là lạc hậu, không còn hợp với thời hiện đại.

- Quá trình hiện đại hóa nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian cũng sẽ khiến cho việc thực hành các truyền thống này ngày càng mang tính chủ quan và cá nhân hoá. Điều này cũng đặt ra những thức thức về sự sai lệch bản chất và ý nghĩa biểu tượng cốt lõi của nghi lễ, phù thuật qua những diễn giải chủ quan của cá nhân.

- Cuối cùng, sự phát triển của công nghệ và truyền thông hiện đại cũng mang đến những thách thức về tính xác thực hoặc hiểu sai giá trị do số hóa và tách rời các thực hành nghi lễ và phù thuật với các bối cảnh văn hóa đặc thù vốn có.

Tiểu kết chương 5

Chương này đã bàn luận về các quan điểm tiếp cận đa chiều, nêu lên những giá trị, thuộc tính văn hóa cũng như một số đặc trưng vùng miền và những thách thức được dự báo của nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian. Sự khác biệt và tính chủ quan của hệ hình đã đặt ra vai trò của việc xem xét nghi lễ, phù thuật theo những bối cảnh đặc thù của thế giới quan, động lực văn hóa, niềm tin của người thực hành để khám phá được những lớp nghĩa ẩn tàng dễ bị bỏ qua. Từ các ý nghĩa được phám phá, chương này đã luận bàn về các đặc trưng, giá trị và thách thức của nghi lễ và phù thuật, để từ đó có cái nhìn khách quan, đúng giá trị và xu hướng vận động của chúng. Dù được nhìn nhận đánh giá theo góc độ nào, những thực hành nghi lễ và phù thuật vẫn luôn có những giá trị văn hóa-xã hội, tinh thần-tâm lý đối với cá nhân hoặc một nhóm xã hội nhất định.

KẾT LUẬN

Với mục tiêu làm sáng tỏ mối quan hệ và sự tương tác giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, bằng cách đưa ra những dấu ấn Đạo giáo qua loại hình, đặc điểm và động thái, luận án đã chỉ ra mối quan hệ phức tạp giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian, cũng như sự liên đới và tính năng động của nghi lễ và phù thuật trong đời sống tâm linh người Việt. Tiếp cận công năng nghi lễ và phù thuật từ góc độ chủ thể thực hành, luận án đã nói lên ý nghĩa và vai trò của nghi lễ và phù thuật liên quan Đạo giáo trong đời sống văn hóa dân gian cổ truyền và đương đại. Luận án cũng đã đưa ra một điểm nhìn và cách tiếp cận mới để hiểu về nghi lễ và phù thuật trong tín ngưỡng dân gian, khác với cách nhìn hời hợt, có định kiến về chúng. Những mục tiêu đó đã định hướng và cung cấp khuôn khổ nhất quán cho các nghiên cứu được thực hiện trong toàn bộ luận án.

Qua con đường di cư và giao lưu văn hóa Đạo giáo đã có mặt và bám rễ sâu vào đời sống tín ngưỡng dân gian Trung bộ, góp phần định hình nên diện mạo văn hóa đa dạng của vùng. Các nền tảng tương đồng về nguồn gốc, các niềm tin sùng bái sơ khai, những quan điểm triết học, nền tảng dung hợp Tam giáo cũng như sự gặp gỡ của hai xu hướng Đạo giáo hóa và dân gian hóa đã xúc tiến cho sự gắn kết và hòa trộn sâu sắc giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Điều đó đã tạo nên sự cộng cộng sinh bền chặt giữa các yếu tố Đạo giáo trong nghi lễ và phù thuật tín ngưỡng dân gian Trung bộ cả trên phương diện niềm tin, tính ứng dụng thực tiễn cũng các như giá trị nội tại của chúng. Những thảo luận này không chỉ quan trọng cho việc nhận diện quá trình truyền bá và sự có mặt của các hệ phái Đạo giáo ở miền Trung Việt Nam mà còn cho những hiểu biết về bối cảnh, bản chất và động lực của mối quan hệ giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian.

Nghi lễ trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ chứa đựng những cấu trúc, ý nghĩa biểu tượng và sự ảnh hưởng sâu sắc của Đạo giáo. Chúng ẩn tàng dưới nhiều hình thức dung hợp phức tạp với Phật giáo và tín ngưỡng dân gian, dù khó nhận diện nhưng vô cùng quan trọng. Các quan niệm vũ trụ luận cũng như cấu trúc và mô thức nghi lễ Đạo giáo đã củng cố tính toàn diện và tính thực tiễn của nghi lễ dân gian. Đó là những nền tảng căn bản giúp dân gian kiến tạo nên một hệ thống nghi lễ đáp ứng được nhu cầu tâm linh và thế tục đa dạng của đời sống. Với vai trò then chốt đó, các yếu tố nghi lễ Đạo giáo là thành phần không thể phủ nhận trong cấu trúc nghi lễ của tín ngưỡng dân gian. Chúng có mặt trong rất nhiều phạm trù nghi lễ từ cầu phúc, giải ách, nhương tai đến tế độ thần linh và tổ tiên. Có thể nói các yếu tố nghi lễ Đạo giáo có ảnh hưởng bao trùm lên đời sống tín ngưỡng dân gian của người Việt Trung bộ, từ nghi lễ thường nhật, nghi lễ vòng đời cá nhân đến hệ thống lễ tiết cộng đồng. Các nguyên lý củ Đạo giáo đã tham gia vào việc luân chuyển về tính thiêng và sự mô thức hóa nghi lễ dân gian, làm nên một diện mạo bài bản, trang trọng, thấm đượm tính nhân bản và chiều sâu văn hóa. Do chứa đựng những giá trị không thể phủ nhận nên dù Đạo giáo đã suy tàn nhưng mạch nguồn nghi lễ Đạo giáo vẫn tiếp tục được truyền tải và được đón nhận trong đời sống dân gian đương đại.

Khác với hình thức ẩn tàng dưới lớp áo dung hợp đa tầng của nghi lễ, diện mạo của phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian Trung bộ lại hiện lên khá rõ nét với ảnh hưởng sâu rộng của Ngũ thuật Đạo giáo. Các yếu tố phù thuật Đạo giáo đã được tích hợp vào nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống ma thuật dân gian, từ các

hình thức bói toán, bảo vệ và trấn ngự đến phù thuật điều chỉnh và hóa giải, hiện diện bàng bạc trong đời sống dân gian. Trên các nền tảng căn bản về nguyên lý và thực hành của Ngũ Thuật, người Việt trong vùng đã tiếp nhận, kết hợp với ma thuật dân gian với các truyền thống phù thuật khác để tạo nên các nguyên lý và tập quán thực hành phù thuật lai tạp. Dưới sự ảnh hưởng đa chiều đó, phù thuật dân gian hoạt động trên một bộ tiêu chuẩn đa truyền thống, vừa phản ánh sự tuân thủ các quy chuẩn bí truyền Đạo giáo đồng thời cũng thích ứng với các quy chuẩn mềm dẻo, nhu cầu đa dạng và thực tế của dân gian. Trong các khuôn khổ văn hóa và bối cảnh đặc thù, phù thuật liên quan Đạo giáo được tiếp biến và ứng dụng linh hoạt để nắm giữ thêm nhiều chức năng và lớp nghĩa khác nhau. Khả năng thích ứng đó, cùng với các diễn giải linh hoạt và mang tính cá nhân hóa, đã xúc tác cho sự mở rộng biên độ truyền thống của phù thuật, đáp ứng các nhu cầu tâm linh mới của các cá nhân và cộng. Kết quả là, các hoạt động phù thuật liên quan đến Đạo giáo tưởng chừng như cổ xưa và lạc hậu, vẫn tiếp tục thích ứng và đáp ứng được các nhu cầu đa nghĩa của đời sống hiện đại.

Với loại hình, đặc điểm, động thái đa dạng cùng bối cảnh tương tác văn hóa phức tạp, nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian đã đặt ra không ít chủ đề cần được luận bàn. Những thảo luận này là cần thiết nhằm làm sáng tỏ bản chất, vai trò, giá trị cũng như cách chúng ta tiếp cận và đánh giá về chúng trong nghiên cứu học thuật và trong đời sống. Chủ đề về nghi lễ và phù thuật dân gian vốn tồn tại nhiều quan điểm diễn giải xuất phát từ sự khác biệt trong quan điểm tiếp cận và nền tảng hệ hình nghiên cứu. Sử dụng lối tiếp cận nhân học hậu hiện đại để đánh giá nghi lễ và phù thuật theo hệ hình của chủ nghĩa kiến tạo, luận án cho rằng trong bối cảnh học thuật hiện nay, việc tiếp cận và đánh giá về nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian cần vượt ra các khuôn khổ diễn giải truyền thống. Chúng nên được tiếp cận và xem xét dựa trên sự đa dạng về ý nghĩa và trải nghiệm tôn giáo của chủ thể thực hành hơn là những thực hành phi khoa học, kỳ lạ và khác biệt. Đặt nghi lễ và phù thuật trong những khuôn khổ văn hóa và bối cảnh đặc thù đã cho thấy rằng các thực hành này chính là cơ chế văn hóa của sự tri nhận và ứng xử với thế giới quan, là phản ứng kháng cự trước các mối đe dọa và là động thái tìm kiếm an ninh tinh thần của người Việt. Đó là những thực hành văn hóa được thúc đẩy bởi truyền thống niềm tin về cái thiêng và sự ứng nghiệm, là phương thức tìm kiếm an ninh tinh thần mang những giá trị văn hóa-xã hội, tinh thần và tâm lý nhất định. Trong mối tương quan với cái hiện đại và các chiều kích lý trí, nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo không phải là tàn dư lạc hậu mà là một phần của cái hiện đại. Đó không phải là một hệ thống biểu thị niềm tin ngây thơ và phi lý trí mà là những hình thái tổng hợp mang đầy phẩm chất lý tính, dựa trên sự chọn lọc giá trị và những chiến lược có chủ đích.

Các khuôn khổ lý thuyết và phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong luận án đã giúp tác giả làm sáng tỏ mối quan hệ và sự tương tác giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian cũng như lý giải công năng và các động lực thực hành nghi lễ và phù thuật. Chúng tôi tin rằng, các quan điểm được đưa ra trong luận án có thể sẽ gặp phải những quan điểm trái chiều bởi sự khác biệt về quan điểm lý thuyết và hệ hình nghiên cứu. Giữa những góc nhìn nghiên cứu khác nhau, luận án cũng đã cố gắng đưa ra một số quan điểm riêng, dù còn sơ sài và khiêm tốn nhưng hy vọng sẽ làm phong phú thêm sự hiểu

biết về nghi lễ và phù thuật Đạo giáo cũng như tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ.

Mặc dù đã nỗ lực duy trì cách tiếp cận cởi mở và khách quan đối với chủ đề nghiên cứu, nhưng không thể tránh khỏi mọt số đánh giá chủ quan và thành kiến ẩn tàng từ hệ hình nghiên cứu, tư tưởng và quan điểm cá nhân trong quá trình điền dã và hoàn thành luận án. Mặt khác, do những điều kiện khách quan và chủ quan về bối cảnh và năng lực nghiên cứu, nhiều hạn chế trong kỹ năng nghiên cứu vẫn còn tồn tại, chẳng hạn như giải quyết sự cân bằng giữa quan sát thực nghiệm và tính chủ quan về mặt tâm linh trong quá trình nghiên cứu. Ngoài ra, luận án này vẫn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết rốt ráo hoặc còn bỏ ngõ. Chẳng hạn như, bản chất của các hiện tượng huyền bí, các biểu hiện phi vật chất của nghi lễ và ma thuật được nhìn nhận ra sao dưới góc độ học thuật? Mối quan hệ giữa hiệu quả nghi lễ và tính hiện đại, cách các nghi lễ Đạo giáo thích ứng với tính hiện đại trong khi vẫn duy trì tính thiêng liêng của chúng ra sao? Tác động của công nghệ số ảnh hưởng đến tính xác thực và hiệu quả tâm linh của nghi lễ và phù thuật như thế nào? Đó là những khoảng trống nghiên cứu chưa được khám phá hết. Hy vọng sau luận án "*Nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở Trung bộ"* sẽ có thêm nhiều công trình nghiên cứu về nghi lễ và phù thuật của Đạo giáo và của tín ngưỡng dân gian trong tương lai.

Là những bước đi đầu tiên trong hành trình khám phá một chủ đề phức tạp và đầy thách thức, dù còn nhiều hạn chế và kết quả đạt còn khiêm tốn nhưng tác giả tin rằng nghiên cứu này cũng đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc nhận diện và khám phá về nghi lễ và phù thuật liên quan đến Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Việt ở miền Trung Việt Nam.

CÁC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Nguyen Dang Huu. "From Artisanal to Digital: The Modernization of Rituals and Magic in Central Vietnamese Popular Religion", *The 7th International Conference Language, Society, and Culture in Asian Contexts* (LSCAC 2024). Information and Communication Publishing House, 2024. ISBN: 978- 604- 4997- 57- 5
2. Nguyen Dang Huu. "Rituals and Magic on the Transition of Sacredness in Folk Religion in Central Vietnam", *Kritika Kultura,* Vol. 44, 2024. ISSN 1656-152x
3. Nguyen Dang Huu. "De-Sanctification in Folk Beliefs of Central Vietnam: A Qualitative Study on Taoism-Related Rituals and Magic", *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities,* Vol. 132, N^{o}. 6B, 2023.
4. Nguyễn Đăng Hựu. "Con đường du nhập và một số hệ phái Đạo giáo ở Trung Bộ", *Tạp chí Khoa học và Công Nghệ,* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Số 3, 2023. ISSN 2354 - 0850

HUE UNIVERSITY

UNIVERSITY OF SCIENCES

NGUYEN DANG HUU

TAOIST-RELATED RITUALS AND MAGIC IN THE FOLK RELIGION OF THE VIETNAMESE IN CENTRAL VIETNAM

DOCTORAL DISSERTATION SUMMARY IN ETHNOLOGY

HUE, 2025

The dissertation was completed at:**University of Sciences, Hue University**

Academic Supervisors:

Dr. Vũ Hồng Thuật

Assoc. Prof. Dr. Nguyễn Văn Mạnh

Reviewer 1:.....

.....

Reviewer 2:.....

.....

Reviewer 3:.....

.....

The dissertation will be defended before the Doctoral Dissertation Committee at Hue University, at the following address:

No. 4 Lê Lợi Street, Hue City, Thua Thien Hue Province.

At …….. hour(s), on the …… day of ……, 2025.

The dissertation is available at:

- Library of the University of Sciences, Hue University
- National Library of Vietnam

INTRODUCTION

1. Rationale for Selecting the Topic

Taoism, having entered our country through various routes of transmission, was early localized and popularized to differing extents. It has become deeply integrated into the Vietnamese Folk Religion. This integration presents both advantages and limitations; therefore, examining and researching it is necessary to contribute to the preservation, conservation, and promotion of its cultural values.

Today, the imprint of Taoism remains pervasive within the beliefs of the Vietnamese in Central Vietnam, where rituals and magical practices emerge as emblematic expressions of the religion's presence and identity. Investigating Taoist-related rituals and magical practices in the Folk Religion of this region will aid in identifying their scope, characteristics, and dynamics of cultural interchange, as well as in discerning their role within lived experience. Although this is a complex issue—characterized by multidimensional relationships that are not readily disentangled—its study is both significant and necessary in the context of religious belief research in Vietnam.

While scholars both domestic and international have addressed topics related to Taoism in Vietnam, a focused study of rituals and magical practices associated with Taoism within the Folk Religion of Central Vietnam from an ethnological and anthropological perspective remains lacking. Thus, researching this subject will help fill an academic gap and diversify approaches within the field of popular-religion and Taoism studies in Central Vietnam.

For the reasons outlined above, we have chosen the topic "Rituals and Magical Practices Related to Taoism in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam" as the subject of this doctoral dissertation in Ethnology.

2. Research Objectives and Tasks

2.1. Objectiv

The dissertation aims to elucidate the interactive relationship between Taoism and Folk Religion, while also identifying the representative forms, characteristics, and dynamics of rituals and magical practices related to Taoism within the popular religious landscape of Central Vietnam.

Furthermore, the study seeks to highlight the role and significance of Taoist-related rituals and magical practices in contemporary Vietnamese cultural life. Additionally, the dissertation intends to propose a critical perspective and suggest an appropriate methodological approach to the study of rituals and magical practices within Folk Religion - an area that has historically been subject to various prejudices in research, governance, and public discourse.

2.2. Research Tasks

The dissertation sets forth the following four research tasks:

(i)To clarify the context of emergence, the processes of development and dissemination, as well as the interrelations among Taoist elements in Central Vietnam.

(ii) To systematize the principal forms of rituals and magical practices related to Taoism that are characteristic of the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam.

(iii) To delineate certain defining features and dynamics of these rituals and magical practices within the popular religious context of Central Vietnam.

(iv) In addition, the dissertation aims to underscore the functions and roles of practicing Taoist-related rituals and magical rites within specific contemporary Vietnamese settings.

3. Subjects and Scope of the Study

3.1. Subjects of Study

The subject of this dissertation comprises the rituals and magical practices related to Taoism within the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam. In this context, Taoist-related rituals and magical practices are regarded as specific manifestations of Taoism embedded in the broader system of popular religious beliefs among the Central Vietnamese.

3.2. Scope of Study

Spatial Scope: The geographic focus of this dissertation is the Central region of Vietnam, with an in-depth examination of four localities: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng and Quảng Nam. These areas possess characteristic natural and cultural features representative of both North Central and South Central Vietnam. Historically, these regions have endured a harsh climate, frequent natural disasters, and significant socio-political upheavals. Consequently, local communities in these study sites have often faced numerous risks and uncertainties.

Temporal Scope: This dissertation concentrates on the contemporary expressions of Taoist-related rituals and magical practices as they appear in the Folk Religion of Central Vietnamese people. The term "contemporary" is employed in two senses: (1) as a developmental process, indicating the evolution of these practices over time; and (2) as a present state, referring to rituals and magical practices that are actively upheld and performed by the Vietnamese today, in reference to their traditional antecedents.

4. Sources of Research Materials

Ethnographic Fieldwork Data: This constitutes the primary source of data, gathered through on-site fieldwork in villages and cities within the research localities of Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, and selected additional sites. These data include ethnographic observational notes and descriptive accounts, retrospective recollections, as well as semi-structured interview materials obtained through conversations, in-depth interviews, video recordings, and audio recordings.

Written Documentation: This secondary source provides supplementary evidence that supports and contextualizes the fieldwork findings. The author collected these materials from scholarly publications, libraries, and scientific and technological databases. In addition, a crucial component of the written documentation comprises ritual scrolls, liturgical manuals, prayer books, talismanic texts, exorcism scripts, and sutras obtained from religious establishments, spirit-mediums, ritual specialists, and village archival repositories during the fieldwork.

5. Contributions of the Dissertation

5.1. Scientific Contributions

- *Theoretical Dimension:* The dissertation provides empirical evidence for theories of cultural interchange, thereby contributing to the empirical substantiation of the human security framework as it applies to religious practice in Vietnam.
- *Methodological Dimension:* The study reinforces and validates the social-functionalist approach by privileging the voices of ritual and magic practitioners as research subjects.

5.2. Practical Contributions

This dissertation offers an analysis of the current situation, identifies the needs and motivations that underlie ritual and magical practice, and delineates certain roles and

values, while also highlighting challenges and issuing warnings regarding these practices within the Folk Religion of Central Vietnam. By clarifying these aspects, the dissertation contributes to the preservation of local cultural heritage, informs policy recommendations, and promotes a deeper understanding of the nature and significance of Taoist-related rituals and magic in contemporary society. Additionally, the findings hold practical value for reference, research, and instruction concerning Taoism and Folk Religion among the Vietnamese in Central Vietnam.

6. Structure of the Dissertation

In addition to the Introduction, Conclusion, Appendices, and Bibliography, the dissertation is organized into five main chapters as follows:

- **Chapter 1:** Overview of Research Context, Theoretical Foundations, Methodology, and Field Sites
- **Chapter 2:** Taoism and Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam
- **Chapter 3:** Rituals Related to Taoism in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam
- **Chapter 4:** Magical Practices Related to Taoism in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam
- **Chapter 5:** Reflections on Rituals and Magical Practices Related to Taoism in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam

CHAPTER 1. OVERVIEW OF RESEARCH, THEORETICAL FOUNDATIONS, METHODOLOGY, AND FIELD SITES

1.1. Overview of Existing Research

In the course of examining written sources, scholarly works and articles related to the topic can be categorized into the following four groups:

1.1.1. Theoretical Studies on Belief and Religion

A body of research treats "belief" as a distinct, autonomous phenomenon that exists independently of "religion," considering belief to be a lower level or subordinate form of religion. Representative authors include Nguyễn Duy Hinh (1996; 2005), Đỗ Quang Hưng (2009), Ngô Đức Thịnh (2001), and Đinh Hồng Hải (2018).

Another strand of scholarship regards belief and religion as essentially identical—both being cultural forms without hierarchical distinction. Illustrative works in this category are by Đặng Nghiêm Vạn (2007), Nguyễn Thị Hiền (2012), and Nguyễn Quốc Tuấn (2013).

1.1.2. Studies on Taoism and Taoist-Related Folk Religion

Studies focusing on the historical context, dissemination, and development of Taoism, both within Vietnam and internationally. Notable researchers in this domain include Dương Thành Chí (1937), Vương Khả (1998), Tôn Diệc Bình (2014, 2016), Lý Hiển Quang (2016), Onishi Kazuhiko (2008, 2010, 2011), and Nguyễn Thế Hùng (2002).

Research that examines Taoism through its concrete manifestations in Vietnamese customs and religious practices. Key examples include Adriano di Santa Thecla [1750] (2018), Phan Kế Bính (1915), Trần Trọng Kim (1923), Đào Duy Anh (1938), Léopold Cadière's numerous articles in the BAVH Journal, and Vũ Hồng Thuật (2013).

Studies investigating the indigenization of Vietnamese Taoism under various aspects. First, research on localization trends within the Vietnamese pantheon, exemplified by

Nguyễn Văn Khoan (1933) and Trần Văn Giáp (1939), as well as Tạ Chí Đại Trường (2006). Second, research on Taoism as expressed in certain forms of popular religious beliefs and practices, typified by Ngô Đức Thịnh (1996, 2010), Nguyễn Duy Hinh (2003), Vũ Hồng Vận (2017), Chu Văn Tuấn et al. (2020), and Kiều Thu Hoạch (2023).

Studies of Folk Religion related to Taoism in various localities of Central Vietnam, for example Trần Đại Vinh (1995), Nguyễn Hữu Thông et al. (2001), Vi Văn An (2005), Nguyễn Chí Trung (2005), and Trần Đình Hằng (2008, 2011).

1.1.3. Studies on Taoist Rituals and Magical Practices

1.1.3.1. Studies on Rituals

Descriptive accounts of Taoist-related rituals in Vietnam and in Central Vietnam, examined through the lens of popular religious practices, such as the works of Trần Đại Vinh (1995), Nguyễn Hữu Thông et al. (2001), and Kiều Thu Hoạch (2016).

Anthropological studies linking rituals to state policies, social environments, or the practical needs of individuals and communities, including but not limited to Barley Norton (2020), Shaun Kingsley (2022), Fjelstad (2006), Nguyễn Thị Hiền (2006), Lương Văn Hy (1993), Phillip Taylor (2004, 2007), and Phan Đăng Nhật & Oscar Salemink (2004).

Research on rituals from the practitioner's perspective, paying attention to personal religious needs and experiences, for instance Vũ Hồng Thuật (2008, 2020), Nguyễn Thị Hiền (2008), Ngô Đức Thịnh (2010), Nguyễn Đăng Hựu (2016, 2017), and Đỗ Thị Thu Hà (2021).

1.1.3.2. Studies on Magical Practices

Investigations into Taoist magical practices as they appear in certain religious activities in Vietnam, notably by Gustave Dumoutier (1904), Paul Giran (1912), and Georges Coulet ([1926] 2009). Cultural studies of magical practices that highlight their values and functions in the preservation of traditional ethnic culture, as seen in the work of Lê Đình Hùng (2006), Vũ Hồng Thuật (2008, 2009, 2010, 2012, 2013), Lê Văn Lân (2009), and Đỗ Thị Thu Hà (2015, 2021).

1.2. Theoretical Foundations

1.2.1. Relevant Concepts

The dissertation introduces four key concepts: ritual, magical practice, Taoism, and Folk Religion.

1.2.2. Theories Employed in the Dissertation

To address the research questions and problems, the dissertation employs the following three foundational theories:

Cultural Continuity and Change (Acculturation) Theory by Robert Redfield, Ralph Linton, and Melville Herskovits is utilized to resolve two issues: (1) the dynamics and mutual relations between Taoism and Folk Religion in Central Vietnam; and (2) the characteristics of Taoist rituals and magical practices within Central Vietnamese Folk Religion, achieved by elucidating the reception and adaptation of these Taoist elements into local belief systems.

Functionalist Theory of Ritual and Magic (Victor Turner and elaborated by Stanley J. Tambiah) is applied to investigate two research questions: (1) What motivations underlie the widespread use of Taoist-related rituals and magical practices in popular religious life? (2) What functions do these Taoist rituals and magical practices serve in the lived experience of the Central Vietnamese?

Theory of Ritual Efficacy through the Lens of Human Security (Oscar Salemink) is employed to address the dissertation's second research question: What are the motivations for practicing Taoist-related rituals and magical practices, and what roles do they play in resolving existential issues within contemporary society?

1.3. Research Methodology

During the course of this study, the author employs the following specific research methods:

- *Ethnographic Fieldwork:* This serves as the principal method throughout the dissertation. It is applied consistently from initial fieldwork planning through data collection and analysis.
- *Documentary Research:* This includes the review and analysis of published reference materials as well as ritual texts (văn sớ), liturgical manuals (khoa nghi), canonical scriptures, talismanic texts (cốt bùa), talisman woodblocks (ván in bùa), liturgical petitions (sớ văn), invocatory petitions (biểu văn), and other religious manuscripts.
- *Analysis and Synthesis***:** Employed continuously from ethnographic data collection through the selection of theoretical frameworks. This method is used to interpret, analyze, and comprehensively examine all dimensions of the research topic.
- *Historical and Logical Analysis:* Utilized to examine the interaction and interrelation between Taoist elements and local popular religious beliefs in Central Vietnam. This method clarifies the interconnectedness, symbiosis, and reciprocal influences among these elements.
- *Comparative Analysis:* Provides a framework for evaluating the imprint of Taoist rituals and magical practices within Folk Religion, as well as their distinctiveness and similarities in comparison with other cultural regions of Vietnam.
- *Additional Interdisciplinary Methods:* The author also integrates selected methods from anthropology and cultural studies, expert consultation techniques, and symbolic and semiotic analysis. These tools are essential for effectively processing data, decoding the symbolic meanings of rituals and talismans, and addressing complex interpretive challenges.

1.4. Field Sites

Within the geographic scope of Central Vietnam, this dissertation focuses on four primary research locations: Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, and Quảng Nam. Quảng Trị and Thừa Thiên Huế serve as representative sites for the North Central region, while Đà Nẵng and Quảng Nam are emblematic research locales for the South Central Coastal area.

Chapter 1 Summary

This chapter has presented an overview of existing scholarship, outlined the theoretical foundations and research methodologies, and introduced the field sites. The historiography of prior studies reveals both the contours and trajectories of efforts to understand and approach this subject matter. Behind the differing—and at times contradictory—theoretical perspectives and methodological approaches of various scholars lies the recognition that Taoist-related rituals and magical practices constitute a complex and challenging topic.

Chapter 1 also analyzed the principal theories and key concepts, clarifying and defining the core ideas relevant to the study of the relationship between Taoism and Folk

Religion. These analyses have highlighted gaps and divergences in the conceptual frameworks encountered in the literature, while articulating the author's own position regarding these concepts within the broader academic discourse. The theoretical foundations established here provide a comprehensive framework that will guide the investigation and address the central research questions of the dissertation.

CHAPTER 2.
TAOISM AND FOLK RELIGION OF THE VIETNAMESE IN CENTRAL VIETNAM

2.1. Taoism in Central Vietnam

2.1.1. Taoism and Its Introduction into Central Vietnam

2.1.1.1. General Overview of Taoism

Taoism is an indigenous Chinese religious and philosophical tradition that emerged on the basis of diverse faiths, ideological currents, and philosophical schools. Its core thought traces back to Laozi and was subsequently elaborated by sages such as Zhuangzi and Liezi. Grounded in concepts including the Dao, wu-wei (non-action), yin-yang, the Five Phases (Ngũ Hành), and the Eight Trigrams (Bát Quái), Taoism developed its doctrinal system around notions of longevity, feng shui, divination, and I Ching studies, among others. Over time, these philosophical foundations evolved into a spiritually oriented form of Taoism, which further differentiated into three principal religious strands: the scholastic "Dao Learning" (Đạo học), the "Immortal Cultivation" tradition (Tiên học), and the popular "Fulu Taoism" (Đạo giáo Dân gian). The Taoist cosmology - combined with a polytheistic framework derived from indigenous folk beliefs - gave rise to a diverse pantheon with multiple hierarchical strata.

2.1.1.2. Process of Introduction

Initially, Taoism was transmitted to Central Vietnam by Vietnamese migrants moving southward from the Hồng River Delta. This southward migration served not only to expand agricultural settlement but also brought with it a range of cultural and religious traditions.

Concurrently, waves of Chinese immigration further promoted the dissemination of Taoist culture in Central Vietnam via three principal channels: (1) Chinese migrant communities relocating from the North to Central regions; (2) maritime trade routes established by Chinese merchants sailing the East Sea, which connected key seaports, citadels, and provincial seats in Central Vietnam across successive historical periods; and (3) political refugees fleeing the Ming–Qing transition, who resettled in Central Vietnam.

Beyond these migratory movements, the presence of Taoism in Central Vietnam also reflects a broader process of cultural syncretism: the interaction between Vietnamese and Chinese cultural strata, between Taoism and Confucianism as well as Buddhism, and between Taoism and indigenous Vietnamese popular religious practices.

2.1.2. Taoist Sects in Central Vietnam

In Central Vietnam, Taoism is represented primarily by two major groupings: the "Celestial Immortal Taoism" (Tiên Đạo) and the "Fulu Taoism" (popular-Taoist or talismanic practices). Celestial Immortal Taoism historically exerted significant influence upon the elite strata—royalty, nobility, mandarins, and scholars—during the sixteenth through twentieth centuries. This branch left an indelible mark on local folklore through

legends of immortals, tales of transcendental hermits, and narratives describing sacred paradises within the region's collective memory.

By contrast, Fulu Taoism was widely embraced by the common folk of Central Vietnam, owing to its deep affinities with indigenous Folk Religion. Two influential Fulu Taoist orders in the region are the Zhengyi (*Chính Nhất Đạo,* 正一道) and the Quanzhen (*Toàn Chân Đạo,*全真道) schools, among which Zhengyi has been particularly pervasive and enduring.

2.1.3. Taoist Temples and Worship Sites

Orthodox Taoist temples (Đạo quán) remain relatively few in Central Vietnam and frequently manifest as syncretic institutions referred to variously as "quán" (觀), "cung" (宮), "tựs" (寺), miếu (廟), and pagodas (chùa). Notable Taoist worship sites in the region include: *Linh Hựu Temple* within the Imperial Citadel and along Nguyễn Chí Thanh Street in Huế; Thiên Tôn Guan (Hưng Nguyên, Nghệ An); and *Thiên Tôn Temple* (Triệu Phong, Quảng Trị).

Today, many former Taoist temples in Central Vietnam have been converted into Buddhist pagodas—for example, *Quán Thánh* (Thọ Xuân, Thanh Hóa), Đế Thích Pagoda (Quỳnh Lưu, Nghệ An), and *Kính Thiên Pagoda* (Quảng Bình). Conversely, some Buddhist pagodas were once Taoist establishments, such as *Linh Quang Pagoda* in Tiền Kiên Village (Triệu Giang, Triệu Phong, Quảng Trị). Additionally, the network of Chinese Ming-Hương associations (Minh Hương cung quán) that operated in medieval port cities, along with various palais and shrines dedicated to mother goddess worship (Thờ Mẫu) in Vietnamese folk religion, have served as loci for Taoist devotional and ritual activity.

2.2. Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam

2.2.1. Context of Formation and Development

The formation and development of Folk Religion among the Vietnamese in Central Vietnam occurred within diverse cultural contexts, most notably those of ethnic-cultural exchange and religious syncretism. From an ethnic-exchange perspective, the Folk Religion of Central Vietnam evolved into a syncretic belief system built upon the foundational folk beliefs of the Northern Vietnamese, while also inheriting residual elements from Chăm religious traditions and integrating practices introduced by Han Chinese immigrants. From the standpoint of religious syncretism, the emergence and evolution of Central Vietnamese Folk Religion have been significantly influenced by the major religious streams—particularly the "Three Teachings" (Tam Giáo) of Confucianism, Buddhism, and Taoism.

2.2.2. Categories and Characteristics

Folk Religion in the Central region can be delineated into three fundamental categories: ancestor worship, deity worship, and animistic worship (Vinh 1995a). Among these, ancestor veneration represents the most critical and widespread category. The central characteristic of Folk Religion in this area is its interweaving of multiple indigenous and external belief forms, as well as the blending of major religious traditions with the localized practices of various ethnic groups, rendering Central Vietnamese Folk Religion highly diverse.

2.3. The Symbiotic Relationship between Folk Religion and Taoism in Central Vietnam

2.3.1. Historical and Philosophical Contexts of Symbiosis

From a historical perspective, even at its inception, Taoism was a religion systematized from existing folk beliefs—an aggregation of traditional faiths originating in antiquity. Moreover, the migratory flows and trade routes across Central Vietnam facilitated the diffusion and acceptance of Taoist cultural elements into local folk religion. Additionally, the decline of official Taoist institutions under the Later Lê and Nguyễn dynasties compelled Taoism to subsume itself into Folk Religion as a means of survival. Furthermore, from the sixteenth century onward, the indigenization of Vietnamese Taoism narrowed the gap between Taoist scripture and local belief, thus further promoting the symbiosis between Taoism and Folk Religion.

Philosophically, both Taoism and Vietnamese folk religion share foundational tenets based on principles of balance, harmony, and the interconnection among humans, spirits, deities, and the cosmos. Both systems uphold analogous philosophical views regarding cyclical movement and the interdependence of all phenomena, ultimately oriented toward practical spiritual aims of cultivating peace and prosperity in everyday life.

2.3.2. Cultural Contexts of Symbiosis

2.3.2.1. Shared Foundations in Worship, Ritual, and Magic

Taoism and folk religion exhibit analogous foundations in the veneration of spirits and deities, as well as in early practices of divination and ritual sorcery (vu thuật, kê bốc). These customs predated the introduction of Taoism within Vietnamese religious life; consequently, such ritualistic and magical forms were able to integrate seamlessly with Taoist teachings from the earliest contacts. This shared foundation and close affinity provided a favorable condition for Folk Religion to absorb Taoist elements naturally and readily.

2.3.2.2. The Tradition of "Three Teachings" Syncretism and Its Reception by Folk Religion

Under the influence of the "Three Teachings" (Tam Giáo) tradition, the manifestation of folk Taoism in Central Vietnam often appears as a fusion of Confucian, Buddhist, and Taoist elements. This syncretic composite created a cultural milieu that was open and receptive, enabling interactions between local Folk Religion and Taoism—both directly and indirectly—through the conceptual framework of "Three Teachings" integration. Through this mechanism of interaction, over successive historical periods, the Taoist pantheon was naturally but selectively incorporated and adapted into local ritual assemblages, aligning with the existing cosmology and conventions of popular worship.

2.3.2.3. The Convergence of Two Tendencies: Taoization and Popularization

The process of incorporating foreign cultural elements into the Taoist framework unfolded continuously both before and after Taoism was introduced to Vietnam. In this dynamic, Taoism—within its doctrinal canon—absorbed and reinterpreted folk customs and rituals, integrating certain indigenous deities into its pantheon. Conversely, the tendency toward popularization entailed the reception and adaptation of Taoist elements within local folk religion, simplifying and recontextualizing Taoist practices to fit seamlessly into communal belief systems and everyday cultural life in Central Vietnam. Additionally, the phenomenon of indigenization represents another dimension of this convergence, exemplifying how Taoistization and popularization met and merged in both Vietnam broadly and in the Central region specifically.

2.3.3. Dimensions of Symbiosis

2.3.3.1. Symbiosis in Belief

The congruence of core beliefs between Taoism and Folk Religion provides the necessary foundation for Vietnamese practitioners to harmoniously integrate the doctrines and practices of both systems. Symbiosis at the level of belief engenders an attitude of openness, mutual receptivity, and adaptation, allowing Taoist elements to blend with and reinforce indigenous folk-religious elements within a shared cultural framework. Simultaneously, this fusion of two religious traditions creates a synthesized belief system that offers adherents a more comprehensive spiritual foundation for addressing existential concerns in daily life.

2.3.3.2. Symbiosis in Practical Application

Both Taoism and local Folk Religion undergo adjustments and adaptations to enhance their relevance and resonance within the cultural realities of Central Vietnam. This dynamic is evident in the manner by which Taoist elements and folk beliefs jointly address the tangible needs and concerns of local communities. Central Vietnamese Folk Religion appropriates Taoist deities, ritual formats, and magical practices in order to respond to immediate, practical problems, integrating them into a framework expressly aimed at resolving everyday challenges.

2.3.3.3. Symbiosis in Value

The symbiosis between Taoism and Folk Religion has generated significant roles and effects within the spiritual life of Central Vietnamese communities. This integration serves important functions in the realm of collective spirituality, contributing to regional cultural identity while simultaneously strengthening social cohesion. Through symbiosis, Folk Religion has been enriched with a diversity of rituals, and the incorporation of Taoist elements has helped standardize folk ritual practices, thereby shaping the distinctive characteristics of each locality. Additionally, Taoist-related elements in family and communal rituals have fostered social solidarity. Finally, the introduction of Taoist components has enabled Folk Religion to position itself in relation to other religious traditions.

Chapter 2 Summary

The formation, evolution, and development of both Folk Religion and Taoism in Central Vietnam are intimately connected with patterns of migration and ethnic-cultural exchange. The shared foundations of early spirit veneration, ritual practices, and magical arts - as well as the institutional structures of Taoism - facilitated the natural and seamless integration of Taoist elements into Vietnamese folk religion. Conversely, the intermingling of the “Three Teachings” pantheon within Folk Religion created an open, integrative cultural context that permitted the direct and indirect adoption of Taoist elements. This mechanism of interaction enabled a selective and organic assimilation of Taoist deities into the local religious framework. Furthermore, the convergence of two tendencies - “Taoization” (the incorporation of folk practices into Taoist orthodoxy) and “popularization” (the integration of Taoist elements into folk religion) - gave rise to a hybridized folk-religious pantheon and accelerated the indigenization of Vietnamese Taoism. In sum, the relationship between Taoism and Folk Religion in Central Vietnam is symbiotic: during periods of institutional decline, Taoism subsumed itself into Folk Religion to survive and evolve toward folk expression; at the same time, Folk Religion absorbed Taoist elements to augment and diversify its practices, thus meeting the variegated needs of everyday rural life.

CHAPTER 3
TAOIST-RELATED RITUALS IN THE FOLK RELIGION OF THE VIETNAMESE IN CENTRAL VIETNAM

3.1. Overview of Taoist Rituals

The system of Taoist rituals is variously termed *khoa nghi*, *pháp sự*, *pháp hội*, *khoa phạm*, and *nghi quỹ*, among other appellations. Broadly speaking, Taoist ritual practice is divided into two principal categories—*Trai* and *Tiếu*—collectively referred to as *Trai–Tiếu*, which in turn comprise the subcategories *Trai Pháp* and *Tiếu Pháp*.

- The *Trai Pháp* (Strict Observance Rites) consists of **Nội Trai** (internal, ascetical retreats) and **Ngoại Trai** (external ceremonial offerings). **Nội Trai** designates the inward, solitary practices undertaken by a Taoist adept, whereas **Ngoại Trai** denotes public rituals performed by the adept on behalf of others.
- The *Tiếu Pháp* (Ritual Purification Rites) encompass a variety of ceremonies, most notably subdivided into **Thanh Tiếu** (Rites for Positive or "Yang" Purposes) and **U Tiếu** (Rites for Negative or "Yin" Purposes). **Thanh Tiếu** includes ceremonies such as *Bảo Thai Tiếu* ("Ensuring Safe Conception," for fetal protection), *Bảo Tự Tiếu* ("Securing Offspring"), *Diên Sanh Tiếu* ("Extending Longevity"), *Nhương Tai Tiếu* ("Averting Calamities"), *Giải Tinh Tiếu* ("Stellar Offerings," i.e., propitiation of astrological forces), *An Trạch Tiếu* ("Stabilizing Dwellings" to ward off malevolent spirits), *Cầu An Thanh Tiếu* ("Prayers for Peace"), *Cửu Long Tiếu* ("Prayers for Rain"), and *Truyền Độ Tiếu* ("Transmission Rites," for ordination and confirmation of disciples). In contrast, **U Tiếu** comprises rites addressing the realm of the deceased or underworld, including *Vãng Sanh Tiếu* ("Guiding Departed Souls to Transcendence"), *An Phần Tiếu* ("Stabilizing Ancestral Tombs"), *Bạt Vong Tiếu* ("Delivering Lost Souls"), and *Phá Tội Tiếu* ("Expediting the Dead through Hell's Tribulations").

3.2. Types of Taoist-Related Rituals in Central Vietnamese Folk Religion

3.2.1. Rites for Seeking Blessings (Cầu Phúc)

Rites for Seeking Blessings are linked to the Taoist concept of the "Five Blessings" (*Ngũ Phúc*: Blessing, Prosperity, Longevity, Joy, and Talent). These rites can be subdivided into ceremonies for general blessings, social alliances and procreation, and material wealth.

Rites for General Blessings and Safety are dedicated to Taoist deities whose function is to bestow good fortune and protection. For example, offerings to the "Heavenly Official Who Grants Blessings" (*Thiên Quan Tứ Phước*) are performed to petition for safety and auspiciousness. Such ceremonies form a cyclical ritual calendar, typically observed at major seasonal junctures—particularly during the Spring Festival (*Trọng Xuân*) and Autumn Festival (*Trọng Thu*), as well as at the Vietnamese New Year (Tết) and year's end—to invoke favorable weather, robust health, communal harmony, and village-level peace.

Rites for Social Alliances and Procreation draw upon Taoist marriage and fertility deities. Wedding rituals often invoke *Nguyệt Lão* (the "Old Man under the Moon" and his consort) as the divine matchmakers, with popular offerings to "Ông Tơ–Bà Nguyệt" performed by the bride and groom's families. Other procreational rites appeal to Taoist goddesses who safeguard pregnancy and childbirth—such as *Tây Cung Vương Mẫu* (Queen Mother of the Western Palace), *Kim Hoa Nương Nương* (Golden Flower Lady), and *Thập Nhị Hoa Bà* (Twelve Flower Ladies)—seeking protection for expectant mothers

and healthy infants. Commonly observed rites include ceremonies to pray for a healthy child (*cầu con*), prayers for safe delivery (*cầu tự*), and "full-month" celebrations (*đầy tháng*) marking a newborn's first month of life.

Rites for Material Prosperity (Cầu Tài Lộc) are typically associated with Taoist earth deities and gods of wealth. For instance, the popular triad of deities—*Phúc Tinh* (Blessings Star), *Lộc Tinh* (Prosperity Star), and *Thọ Tinh* (Longevity Star), colloquially known as the "Three Stars" (*Tam Tinh* or *Ba Ông Phúc–Lộc–Thọ*)—are invoked for bestowing wealth and longevity. In contemporary practice, the most widely observed prosperity rites center on offerings to the earth deity *Phúc Đức Chánh Thần* (Ông Địa) or the martial-wealth god *Quan Thánh Đế Quân* (Guan Di), each believed to secure material blessings for households and businesses.

3.2.2. Rites for Averting Calamities and Misfortunes (Nhương Tai, Giải Ách)

This category comprises rites grounded in the belief that Taoist deities govern human destiny and can intercede to avert or mitigate misfortunes.

Rites to Neutralize Astrological Influences draw upon the pantheon of the "Star Deities" (*Tinh Tú Thần Ban*), including the "Star Mother" (*Đẩu Mẫu*), *Nam Tào–Bắc Đẩu* (Southern and Northern Nine Star Deities), and the sixty "Grand Duke" deities (*Thái Tuế*). Typical ceremonies include *Nhương Sao Giải Hạn* (Rites for Transferring One's Curses to More Favorable Stars) and offerings to *Quan Sát* (a deity responsible for overseeing mortal misfortunes).

Rites to Avert Calamities may also invoke *Huyền Thiên Thượng Đế* (the Mysterious Heavenly Lord) or *Thủy Quan* (Water Inspector Deity) in the form of ten-night-month full-moon offerings (*Rằm Tháng Mười*) to forestall floods or other water-related disasters. Such rites reflect a spatial conception of personal fortune, wherein the alignment of astral forces (*sao chiếu mệnh*), cyclical hardships (e.g., *tam tai*), and calendrical omens are believed to influence individual fate.

Rites Addressing Inherited or Incurred Calamities respond to the belief that certain misfortunes are already manifest. These include **"Hóa Vận"** (Rites to Transform Destiny), **"Chuộc Mệnh"** (Rituals to Redeem One's Fate), **"Thế Mạng"** (Rituals to Substitute One's Life), and healing rites for "spirit-related illnesses" (*chữa bệnh âm*) or "reversal of illnesses" (*đảo bệnh*). These ceremonies frequently draw upon Taoist liturgical procedures - such as the *Mao Nhân Thế Khoa* rites for substituting one's fate - and the intercession of Taoist deities to restore health or spare an individual from supernatural afflictions.

3.2.3. Rites for the Living (Tế Độ Dương)

Rites for the Living are ceremonial procedures performed to rescue individuals from adversity and to dispel misfortune, thereby restoring peace and bestowing blessings upon the living. Within the framework of Folk Religion, this category of rites comprises purificatory ceremonies, consecration and deconsecration rituals, and ceremonies that establish or dissolve social-religious bonds.

Concretely, Taoist liturgical texts (khoa nghi) and their underlying principles of purification have been appropriated by local practitioners in ceremonies such as **Giải Phong Long** ("Dispelling the Dragon's Curse"), **Lễ Tống Mộc Trừ Tà** ("Exorcising Malevolent Spirits by Sending Wooden Tablets"), **Lễ Vớt Đất** ("Ritual of Soil Retrieval"), and **Bồi Hoàn Long Mạch** ("Ritual of Restoring Dragon-Vein Vigor"). Similarly, the Taoist **Khai Quang** (Opening of Spiritual Eyes) rites have strongly influenced the local practice of consecrating and installing cult images within village sanctuaries.

Moreover, based on Taoist principles of deconsecration and the ritual function of transferring sacred potency, vernacular religion has developed its own customs and rites of deconsecration—moving along a cyclical process of consecration → deconsecration → reconsecration.

Finally, rites that establish or dissolve social-spiritual bonds between humans and deities are most evident in ceremonies such as *Bổn Mạng* (Rites to Invoke One's Patron Deity), *Bán Khoán* (Rites of Divination and Transference), and *Cắt Duyên Âm* (Rites of Severing Malign Spirit-Bondages). The essence of these rites lies in transforming the supplicant's spiritual relationship—either toward a sacred material locus or a supernatural entity—in order to secure divine patronage or to attain liberation from spiritual constraints.

3.2.4. Rites for the Deceased (Tế Độ Âm)

Under the pervasive influence of the Taoist *U Tiếu* (Rites for Negative or "Yin" Purposes), Folk Religion in Central Vietnam has developed a complex system of funerary and ancestral rites aimed at ensuring the deceased's satisfaction, repose, and transcendence. This system manifests in offerings of food and goods to ancestral spirits and ghosts (Âm Linh Tổ Tiên), spirit-summoning rituals (Triệu Hồn Thỉnh Vong), exoneration ceremonies (Giải Oan), spirit-improvement rites (Thế Mạng), prison-breaking rites (Phá Ngục), and rites for delivering souls from purgatorial suffering (Bạt Độ Trầm Luân), all of which bear a distinctly Taoist character.

These practices reflect Taoist theories of soul-and-spirit (hồn–phách) and the pantheon of underworld deities residing in the "Earthly Court" (Địa Phủ) as invoked in vernacular funeral rites. They also continue the Taoist liturgies for spirit summoning (Triệu Hồn), soul enticement (Chiêu Hồn), and guiding wayward souls when Vietnamese are displaced from ancestral tombs, die prematurely, or lose their physical remains.

The rites for the deceased category also includes intricate ceremonies designed to resolve supernatural grievances among spirits inhabiting the netherworld. Through complex rituals of *Giải Oan* (Exoneration Rites) and *Bạt Độ* (Deliverance Rites), practitioners strive to secure the ancestors' or departed loved ones' peaceful ascension to higher spiritual realms.

3.3. Characteristics of Taoist-Related Rituals in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam

3.3.1. Symbolic Characteristics

3.3.1.1. Folk Rituals and Taoist Cosmological Symbols

Taoist cosmological concepts - such as Yin - Yang and the Five Phases (Ngũ Hành) - have profoundly influenced how Central Vietnamese practitioners conceptualize the world, construct divine iconography, and perform folk rituals. Under the dualistic framework of Yin–Yang, reality is understood through polarities: yin versus yang, the earthly realm versus the spirit realm, the underworld versus the human world, yang-occupied–yin-occupied spaces, life versus death, men versus women, and so forth. Likewise, deities are organized according to the Five Phases (Metal, Wood, Water, Fire, Earth), yielding pantheons such as the "Five Phases Immortal Mothers" (*Ngũ Hành Tiên Nương*), the "Five Venerated Holy Mothers" (*Ngũ Vị Thánh Bà*), as well as Fire Deity (*Bà Hỏa / Hỏa Đức Thánh Phi*) and Water Deity (*Bà Thủy / Thủy Đức Thánh Phi*). These cosmological constructs shape the symbolic logic of folk rituals throughout Central Vietnam.

3.3.1.2. Folk Rituals and Taoist "Three Realms" (Tam Giới) Symbolism

Folk rituals in Central Vietnam are also deeply informed by Taoist cosmological structure, which is divided into three interrelated realms—Heavenly Heaven (Thiên Tao),

Earthly Court (Địa Phủ), and the Human Domain (Nhân Gian). Numerous Taoist deities associated with these three levels become objects of veneration in folk ceremonies. Celestial beings and star deities of the Heavenly Heaven, underworld gods of the Earthly Court, and human deified ancestors or local tutelary spirits of the Human Domain are invoked in seasonal rites, ceremonies for soliciting blessings and averting calamities, and in rites of fate and life-cycle observances. The cosmology of deities that emerges in such rituals thus reflects the complex Taoist "Three Realms" structure as transposed into the local folk-religious landscape of Central Vietnam.

3.3.2. Structural Characteristics

3.3.2.1. Temporal Structure

Folk rituals are timed according to the Taoist calendrical system (Đạo lịch or the Sexagenary Cycle, Lục Thập Hoa Giáp). This calendrical reference introduces a conceptual framework for choosing ritual dates in the vernacular. Ritual timing is aligned with Taoist cosmological categories—assigning positive or negative, auspicious or inauspicious attributes based on the interplay of Yin–Yang and the Five Phases—articulated through concepts such as "auspicious day" versus "inauspicious day," "auspicious hour" versus "inauspicious hour," and "auspicious branch" (hoàng đạo) versus "inauspicious branch" (hắc đạo). This system becomes the foundation for folk ritual specialists and Taoist adepts to select appropriate ritual moments that correspond to their spiritual beliefs.

Furthermore, popular rituals are influenced by Taoist deity-birthday observances (Thánh Đản). The coincidence of local festival dates with Taoist deity feast days—such as those honoring the Jade Emperor (Ngọc Hoàng Thượng Đế), Zhang Tianshi (Trương Thiên Sư), the Triad of Great Gate Deities (Tam Quan Đại Đế), the Martial Deity Guan Yu (Quan Thánh Đế Quân), the Supreme Elderly Lord (Thái Thượng Lão Quân), and the Hearth Deity (Định Phúc Tư Mệnh Táo Quân) -demonstrates the close relationship between folk festival calendars and Taoist sacred time.

3.3.2.2. Practical Structure of Ritual Performance

Folk rituals share structural elements with formal Taoist rites and are often conducted according to normative Taoist sequences. For example, the **"Three-Present Offering" (*Tam Hiến Lễ*)-comprising the Initial Presentation (*Sơ Hiến Lễ*), the Intermediate Presentation (*Á Hiến Lễ*), and the Final Presentation (*Chung Hiến Lễ*)-is incorporated fully into major village or clan sacrifices (e.g., đình làng or họ tộc rites). Even in smaller-scale ceremonies, vernacular practices such as offering libations three times ("three pours of rice wine") and performing three rounds of invocations ("three calls") clearly reflect this Taoist structure.

Moreover, folk-religion offerings adopt the Taoist five-item ritual set. The five standard offerings-incense (nhang), lamps (đèn), flowers (hoa), fruits (quả), and wine (rượu) (or tea/water)- correspond directly to the *"Five Offerings" (Ngũ Hiến or Ngũ Cúng)* in Taoist liturgy. In vernacular ritual practice, these offerings carry symbolic layers analogous to their Taoist templates. Additionally, ritual items such as **"***Three Lives" (Tam Sanh)* and *"Blood" (Ế Mao Huyết)* -each with its own symbolic potency—are integrated flexibly into local rites to demonstrate devout supplication and to convey the desire for divine favor and blessings.

Finally, certain symbolic enactments drawn from Taoist ritual appear in folk ceremonies. Acts of "burning three incense sticks" symbolize the Three Realms; the use of the "Tai Chi Seal" *(Thái Cực Ấn*) in bows, or the prescribed number of prostrations in a

ceremony, all replicate Taoist symbolic formulations. These practices underscore the extent to which folk rituals internalize and reconstitute Taoist symbolic structures within Central Vietnamese Folk Religion.

3.4. Dynamics of Taoist-Related Rituals in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam

3.4.1. Interaction with Ancestral and Spirit Veneration: Circulation of Sacred Potency and Standardization of Folk Rituals

Taoist ritual elements interact with ancestral and spirit veneration practices to catalyze the circulation of sacred potency—through sacralization, desacralization, or resacralization—within Central Vietnamese folk rituals. This interaction functions to establish, transform, or dissolve social and spiritual bonds between humans and deities. Moreover, Taoist elements facilitate the establishment of standardized ritual templates. Specifically, they become normative models for ritual symbolism, the delineation of liturgical sequences, hierarchical structuring of ritual components, and the formulation of additional prescriptive norms in vernacular ritual practice. As a result of this dynamic interaction, folk rituals that were previously disparate, fluid, and localized have been systematized into a structured, rigorously defined, and coherent ritual framework.

3.4.2 Interaction with Buddhism and the Buddhistization of Rituals

The decline of Taoism in Vietnam led to fragmentation and interruption of Taoist ritual transmission and practice. In this context, many Taoist adepts and ritual specialists proactively integrated themselves into folk-religious life. Taoist ritual elements began to intermingle with Buddhist practices as well as indigenous folk magic. Concurrently, the Taoist pantheon—long incorporated into the ritual life of Buddhist temples—was progressively removed from the worship systems of numerous monasteries during various Buddhist reforms, resulting in the loss or attenuation of Taoist-related folk rituals.

Conversely, Taoist rituals also interacted with and were assimilated into Buddhist ceremonies through the deliberate reception of ritual elements by monastic practitioners. Given the deep-rooted historical tradition of “Three Teachings” (Tam Giáo) syncretism, numerous Taoist rituals were adopted by Buddhist clergy as continuations of the temple’s preexisting liturgical repertoire. Although occupying a secondary status, Taoist ritual components retained undeniable value and were preserved by Buddhist ritual practice precisely because they filled lacunae that Buddhist rituals and indigenous folk-religious ceremonies could not fully address.

Chapter 3 Summary

The three categories of rites—seeking blessings, averting calamities and misfortunes, and rites for the deceased—demonstrate that Taoist elements have been appropriated by Folk Religion as mechanisms for standardizing ritual form, thereby enhancing its capacity to fulfill a diverse array of functional objectives in both traditional and contemporary Vietnamese practice. The characteristics and dynamics of these Taoist-related rituals clearly reflect the influence of folk ritual on Taoist cosmology, world-view, and deity hierarchies. Furthermore, interactions with ancestral/spirit veneration practices and with Buddhism have catalyzed the circulation of sacred potency and the standardization of folk rituals, reflecting both the historical contexts and cultural trajectories of Buddhistization within Central Vietnam’s current folk-religious ritual practices.

CHAPTER 4. MAGICAL PRACTICES RELATED TO TAOISM IN THE FOLK RELIGION OF THE VIETNAMESE IN CENTRAL VIETNAM

4.1. Overview of Taoist Magical Practices

In a broad sense, Taoist magic (Dao thuật) encompasses a quintet of distinct esoteric arts—namely, *Sơn thuật* (Mountain Arts), *Y thuật* (Medicine Arts), *Mệnh thuật* (Destiny Arts), *Tướng thuật* (Physiognomy/Divination Arts), and *Bốc thuật* (Fortune-Telling Arts)—collectively referred to as the "Five Arts" (Ngũ thuật). In a narrower sense, Taoist magic specifically denotes *Talismanic Arts* (Phù Chú thuật), a subset within Sơn thuật. The terms *phù* and *chú* (talismans and incantations) are closely interwoven—often conflated—hence commonly referred to together as "phù-chú" or simply "bùa." Taoist talismans (*bùa chú*) constitute a system of mystical practices and symbolic representations of the spirit realm, comprised of four basic components: *Phù* (talismans), *Chú* (incantations), *Ấn* (seals), and *Đẩu* (psychic).

4.2. Types of Taoist-Related Magical Practices in Central Vietnamese Folk Religion

4.2.1. Divinatory Arts (Phù Thuật Tiên Đoán)

Taoist divinatory practices—such as the *Tử Vi* (Astral Fate) system, *Nhâm Độn* (Day-Cycle Prognostication), and calendrical readings based on the Five Phases (Ngũ Hành), Heavenly Stems (Thiên Can), Earthly Branches (Địa Chi), the Twelve Monthly Fortunes (*Thập Nhị Kiến Trừ*), the Twenty-Eight Lunar Mansions (*Nhị Thập Bát Tú*), the "Metal Talisman Classic" (*Kinh Kim Phù*), and the "Six Omens" (*Lục Diệu*)—have exerted a notable influence on vernacular fortune-telling customs. These include selecting auspicious dates (*xem ngày*), casting fortune sticks (*xin xăm*), consulting trigram or hexagram divination (*xin quẻ*), and physiognomic readings (*coi giò*).

Within the domain of *Tướng thuật* (Physiognomy/Divination Arts), prominent methods such as *Trạch Tướng* (House-Geomancy Divination) and *Mộ Tướng* (Grave Divination) also permeate popular religious practice, informing predictions about household prosperity, ancestral tomb placement, and guiding ritual responses—such as feng-shui adjustments, spiritual sealing (*trấn yểm*), or ritual interventions. These Taoist-influenced forms of divination have been adopted by lay practitioners as means to forecast and manage their spiritual strategies as well as individual and communal conduct.

4.2.2. Protective and Defensive Magic

Taoist elements have been received and put into practice by locals according to two foundational principles:

Taoist Feng Shui Defense Principles: The Taoist concept of geomantic defense underpins various local talismanic practices aimed at stabilizing and protecting dwellings and land.

Protective Functions of Taoist Deities: Vietnamese folk customs incorporate the protective powers of Taoist gods into talismanic rituals designed to safeguard homes and people.

Examples of Taoist-influenced geomantic defenses include *Trấn Phong* (Wind Suppression Talismans), *Hổ Phù* (Tiger Talisman), and *Tiên Thiên Bát Quái* (Pre-Heaven Eight Trigrams)—all revered as sacred objects capable of warding off malevolent forces. Common folk talismans for home protection draw upon the Taoist pantheon of guardian

spirits such as *Lỗ Ban* (master craftsman deity) and *Khương Thái Công* (Kǒng Zhuān), whose sanctified presence is believed to subdue evil spirits in construction contexts.

Certain vernacular Taoist talismans—like *Bút Tích Giáng Bút* (Heavenly Inscribed Brushmarks), *Ấn Thánh* (Sacred Seals), or *Máu Thánh* (Consecrated Blood)—are used to create personal protective amulets, believed to possess the power to safeguard an individual's life and well-being.

4.2.3. Confining and Corrective Magic

Principles of Taoist *Trấn thuật* (Confining Arts) manifest in various folk talismanic forms known by names such as *yểm* (spiritual impalement), *ếm* (binding), *tống* (expulsion), and *nhương* (dispelling). Among these, *Trấn Trạch* (House-Sealing Talismans) practices are universally prevalent in Central Vietnamese folk religion, aimed at protecting homes and land from harmful influences—whether diffuse negative qi or malevolent spirits.

These forms appear in diverse talismanic expressions: affixing the *Thạch Cảm Đương* (Stone Guardian Tablet), installing images of *Khương Thái Công*, placing statues of tigers or stone dogs at entrances, using the *Tiên Thiên Bát Quái* gourd, mirrors, or ritual paintings, and in more elaborate rites employing *thần sa* (divine cinnabar), *chu sa* (vermillion), or specialized *bùa trấn trạch* (house-sealing talismans).

Additionally, some talismans rely on sacred animal effigies—such as guardian stone dogs—or on sacred scripts (e.g., *Thạch Cảm Đơng* inscriptions) and holy symbols like the "Post-Heaven Eight Trigrams" (*Hậu Thiên Bát Quái Đồ*) to counteract destructive or hostile influences (xung, hung, sát) according to folk cosmology.

Moreover, folk talismans incorporate corrective rituals that employ purificatory principles—drawing on concepts of purity and impurity (*uế-tịnh*), Yin–Yang balance, and soul-and-spirit theory—to neutralize negative influences. These rites utilize sacred materials such as cinnabar (chu sa) and divine sand (thần sa), and invoke Taoist deities associated with exorcism—such as the *Five Thunder Deities* (*Ngũ Lôi*) and *Hoa Quang Đại Đế*—to dispel impurities and malevolence.

4.2.4. Magic for Dispelling Calamities and Curses

This category includes talismans and incantations specifically intended to counteract disasters (e.g., floods, droughts) and illnesses, relying upon the power of Taoist deities such as *Chân Vũ Bắc Đế*, *Đông Nhạc Đại Đế*, *Tử Vi Đại Đế*, or sacred mantras like the "Six-Character True Words" (*Lục Tự Chân Ngôn*) or the designation of the *Âm Đẩu Thất Tinh*.

A more complex dimension of Taoist talismanic practice serves as the core for resolving cases of multiple or successive unnatural deaths—known colloquially as *trùng tang* (burials of predecessors shortly after each other) and *trùng tang liên táng* (burials with multiple coffins). These rites, called *"yểm trùng"* and *"giải trùng,"* employ an amalgam of talismans, Taoist deities, and esoteric formulas to eliminate curses and catastrophic misfortunes. A prototypical talisman for this purpose is the **"***Lục Thù Hải Hội Garment***"**—a ritual attire embroidered with myriad Taoist and Buddhist symbols—believed to possess the combined power of both traditions to neutralize the disastrous effects of repeated familial deaths.

4.3. Characteristics of Taoist-Related Talismanic Practices in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam

4.3.1. Folk Talismans Incorporate the Content of Taoist "Five Arts"

Each of the Five Arts of Taoism—*Sơn thuật* (Mountain Arts), *Y thuật* (Medical Arts), *Mệnh thuật* (Destiny/ Fate Arts), *Tướng thuật* (Physiognomy/ Divination Arts), and *Bốc thuật* (Fortune-Telling Arts)—exerts a specific influence on Central Vietnamese folk religion. Among these, Sơn thuật, Tướng thuật, and Bốc thuật are especially prominent. Most notably, *Talisman (Phù Chú*), which fall under Sơn thuật, have been adopted by Central Vietnamese practitioners both in principle and in symbolic form. Central to these practices are Taoist seals (ấn quyết), talismanic scripts (phù hiệu), and mystical incantations (chú ngữ).

Next, certain branches of *Tướng thuật* - such as *Thiên Tướng thuật* (Heavenly Physiognomy), *Địa Tướng thuật* (Earthly Physiognomy), *Nhân Tướng thuật* (Human Physiognomy), and *Trạch Tướng thuật* (House-Geophany) - have become deeply embedded in local talismanic traditions, especially for purposes such as predicting household fortunes, selecting tomb sites, and guiding corrective or protective rituals (e.g., spiritual sealing or ritual realignment).

Elements of *Bốc thuật*, particularly *Chiêm bốc* (Astral Prognostication) and *Kỳ Môn* (Mysterious Gate Divination), also play varying roles in regional divinatory customs.

Moreover, Central Vietnamese folk talismanic practices integrate elements of both *Y thuật* and *Mệnh thuật*. Taoist medical knowledge and materia medica (phương dược) are employed by local ritual healers (*thầy mằn*, *thầy lang*) in herbal prescriptions and acupuncture. Taoist destiny texts- such as the *Chu Dịch, Mệnh Lý Bát Tự* and *Tử Vi Đẩu Số* - are used by local fortune-tellers for life-course prognostication. Likewise, certain vernacular customs concerning talismans (from Sơn thuật), fortune-telling (from *Bốc thuật*), and geomantic readings of dwellings, kitchens, and tomb sites (from *Trạch Tướng* and *Mộ Tướng*) have become inseparable components of Central Vietnamese folk religious practice.

4.3.2. Folk Talismanic Practices Bear the Structural Components of Taoist Talismans

Structural features of *Phù (talismanic diagrams)***,** *Chú (incantations), Ấn (seals)***,** and *Đẩu (psychic)* are readily observed in Taoist-related talismans used in Central Vietnamese folk religion. First, vernacular talismans are influenced by Taoist *talismans-diagrams* such as *Tam Thanh* (Three Purities), *Nhật-Nguyệt* (Sun-Moon), *Nhật-Nguyệt-Tinh* (Sun-Moon-Stars), *Bắc Đẩu Thất Tinh* (Seven Northern Stars), *Nam Đẩu Lục Tinh* (Six Southern Stars), *Nhị Thập Bát Tú* (Twenty-Eight Lunar Mansions), and *Phong-Vũ-Lôi-Điện* (Wind-Rain-Thunder-Lightning). Each set of diagrams represents a segment of divine power within a Taoist talisman.

Second, vernacular talismans also incorporate Taoist *incantations (chú ngữ).* Mantras, verbal formulas, and scriptural passages transmitted within Taoist ritual lineages or preserved in Taoist magic manuals have trickled down into popular usage, and local talisman masters deploy them as essential ingredients determining the efficacy of a given charm.

Third, vernacular talismans draw upon *Taoist seals (ấn), Hand Seals (quyết),* and *psychic (đẩu)* as parts of their ritual potency. Folk ritual specialists use these seals and symbolic gestures in a wide range of ceremonies—from large-scale "*Trai–Tiếu*" rites to spirit-invocation rituals, exorcisms targeting malevolent entities, petitions for divine benevolence, spiritual sealing (*trấn yểm*), and offerings to consecrate talismans.

4.3.3. Production Mechanisms, Modes of Use, and Taoist Influences on Vernacular Talismans

Vernacular talismans are generated according to esoteric Taoist techniques. A significant proportion of charms, incantations, and ritual methods practiced in Central Vietnamese folk religion derive from Taoist secret formulas and talismanic traditions. These include systems of oral or textual encryption for mantras, hidden incantations, sealed talismanic diagrams, consecration rituals for empowering talismans, and the raising of spiritual auxiliaries (*âm binh*) within private ritual shrines. Such knowledge is transmitted clandestinely, either through restricted ritual manuscripts or via oral lineage teachings.

The mode of employing vernacular talismans closely parallels Taoist talismanic procedures. Traditional Taoist methods—such as *Hóa pháp* (burning the talisman to release its power), *Bội pháp* (wearing or carrying the talisman), *Thiếp pháp* (pasting the talisman onto surfaces), *Ngật pháp* (ingesting a talisman by dissolving it in water or tea), *Chử pháp* (infusing it into a decoction and applying it topically), *Sát pháp* (rubbing or pressing the talisman), and *Tẩy pháp* (ritual bathing with water ritually infused by a talisman)—have been adopted by local practitioners with minimal variation.

4.4. Dynamics of Taoist-Related Talismanic Practices in the Folk Religion of the Vietnamese in Central Vietnam

4.4.1. A Complex Convergence: Integration with Esoteric Buddhist and Other Talismanic Traditions

When Taoist talismanic practices were adopted into Central Vietnamese folk religion, they engaged in intricate interactions with multiple other esoteric talismanic lineages. Of particular note is their confluence with *Vajrayāna Buddhist talismans*. Certain vernacular charms in Central Vietnam clearly display a fusion of Taoist cosmological symbols—such as the *Eight Trigrams* (Bát Quái) and *Five Directions* (Ngũ Phương)—with the *Six-Syllable Great Bright Mantra* (Lục Tự Đại Minh Thần Chú, i.e., "Om Ma Ni Pad Me Hung"), as well as iconography of the *Buddhist Deity Cundi* (Chuẩn Đề), the *Cundi Mandala* (Chuẩn Đề Tự Luân Quán Đồ), and Cundi's own mantra (*Chú Chuẩn Đề*) in Tantric Buddhism.

Moreover, Taoist talismanic practices also merged with Pure Land Buddhism through the incorporation of *Amitābha Buddha (*A Di Đà) symbols and *Avalokiteśvara mantras (*Quán Thế Âm thần chú). This ongoing interplay with a variety of talismanic traditions has produced a richly heterogeneous and complex talismanic panorama throughout Central Vietnam.

4.4.2. Expanding Traditional Boundaries: Adaptations of Talismanic Practices in the Modern Context

Taoist talismans, and their vernacular variants, have not been entirely displaced by modernity. On the contrary, they persist and serve a multiplicity of emergent, multilayered needs within a rapidly evolving society. Talismanic practices have not only endured into the contemporary era but have acquired new significance under modern conditions. Historically, Taoist talismans were primarily confined to religious and ritual domains; today, they have extended their scope to address novel challenges and fulfill secular demands.

Illustrative examples of this boundary expansion include the deployment of talismans in the context of *modern transportation safety*, as well as their use within competitive and

uncertain market environments—such as accelerating real-estate transactions, debt collection, or undermining commercial rivals. In each instance, talismanic formulas originally intended for spiritual or protective purposes are repurposed to meet new practical and symbolic exigencies in contemporary life.

Chapter 4 Summary

The characteristics and typologies of Taoist-related talismanic practices in Central Vietnamese folk religion reveal a multidimensional and profound relationship between indigenous talismanic forms and Taoist magic. They attest to the crucial role played by Taoist elements in shaping the distinctive cultural profile of Vietnamese talismanic tradition. Moreover, they demonstrate the flexibility and creative adaptability of indigenous religious and magical elements as they encounter external influences, contributing to the vibrant plurality of folk belief systems in Central Vietnam.

CHAPTER 5
SELECTED REFLECTIONS ON RITUALS AND TALISMANIC PRACTICES RELATED TO TAOISM IN THE FOLK RELIGION OF THE VIETNAMESE IN CENTRAL VIETNAM

5.1. Prejudices and Multidimensional Perspectives on Rituals and Talismanic Practices

5.1.1. Prejudices Concerning Rituals and Talismanic Practices

The history of ethnology and anthropology long imposed rigid categories onto folk-religious ritual and magical traditions. Early evolutionary approaches to religion in anthropology labeled folk rituals and talismanic practices as primitive, rudimentary, or inferior. Classical positivism construed rituals and magic within a tripartite framework of magic–religion–science, and measured local folk religion against Western conceptions of "religion." Such interpretations relegated folk religion to a lower status than institutionalized religion, while branding spiritual practices deemed mysterious—certain folk rituals, divination, or charms—as backward or superstitious. These prejudices also shaped state policies toward indigenous folk religion.

5.1.2. Multidimensional Perspectives on Rituals and Talismanic Practices

From a functionalist perspective, ritual and magical practices are examined for their role in unifying diverse religious and belief forms, thereby blurring hierarchical comparisons between "folk religion" and "organized religion." This lens emphasizes how ritual shapes and reinforces social functions, particularly local identity formation. However, functionalism can prove insufficient when confronting the more nuanced aspects of talismanic magic; consequently, talismanic practices often remain marginalized in academic discourse.

Contemporary constructivist anthropology offers alternative discourses that depart from traditional interpretive frameworks. Under this paradigm, rituals and talismanic practices in folk religion are highlighted for their plurality of meaning and religious experience. Rather than focusing solely on function, constructivists attend to context, symbolic dimensions, and the affective and experiential aspects of religious life.

The discussions in this section concerning prejudices and multidimensional perspectives underscore the complex and elusive nature of rituals and talismanic practices, as well as the relative character of any research framework approaching them. Cultural relativity demands an acceptance of plural and divergent interpretations arising from distinct scholarly paradigms when evaluating folk rituals and talismanic arts.

5.2. Contextualizing Rituals and Talismanic Practices Related to Taoism and Their Underlying Meanings

5.2.1. Rituals and Talismanic Practices as Ways of Knowing the World and Cultural Behavior

Rituals and talismanic practices in folk religion reflect the beliefs, values, worldviews, and modes of conduct of individuals and communities. They illustrate how Central Vietnamese people position and interpret the relationships among Heaven, Earth, and Humanity within their cosmological framework. These practices also reveal villagers' conception of a dual world—natural and supernatural, yin and yang in parallel. Finally, rituals and talismanic practices articulate ideas about the origin of being and attendant moral-social values.

5.2.2. Rituals and Talismanic Practices as Mechanisms of Resistance to Threats and the Pursuit of Spiritual Security

First, performing rituals and talismanic rites functions as a tool of control—an instrument of defense against perceived or anticipated threats. They operate as mechanisms of resistance against misfortune and uncertainty, alleviating anxiety and fear. Engaging in ritual and talismanic practice also constitutes a cultural strategy for seeking psychological and physical security. Additionally, such practices form part of a livelihood strategy—anchoring hope in divine protection, enabling some foresight into future events, and providing a way to manage worries. Finally, when concerned with ancestral spirits and the fate of loved ones beyond death, rituals and talismanic arts help individuals find peace and tranquil acceptance. Thus, Taoist-related rituals and talismanic practices serve as important cultural templates through which people proactively defend themselves or confront existential dangers, seeking spiritual security.

5.2.3. Rituals and Talismanic Practices as Traditions of Belief in the Sacred and Efficacy

Belief and efficacy are two interwoven elements that sustain a system of faith and reverence within the religious consciousness of the Vietnamese. They motivate practice and generate hidden but essential spiritual meanings in rituals and talismanic rites. Sacred potency remains constantly present in religious heritage and practice because it is continuously reinforced, circulated, and reestablished. Taoist ritual and talismanic elements catalyze this establishment and circulation, while also functioning as agents of efficacy. The normative frameworks defining sacredness in Taoist rituals and talismans provide the spiritual energy that undergirds efficacy, whether such efficacy manifests in objects, individuals, or deities.

5.3. Cultural Value and Attributes of Taoist-Related Rituals and Talismanic Practices

5.3.1. Value of Rituals and Talismanic Practices

Socio-Cultural Value: Taoist-related rituals and talismanic practices within Central Vietnamese folk religion function as vehicles for expressing and maintaining socio-cultural norms and values, playing a significant role in shaping and reinforcing the

spiritual-cultural framework of the region. First, Taoist ritual and talismanic elements—indeed, ritual and talismanic practice in folk religion more broadly—embody normative values, cultural traditions, and ethical conceptions. They also serve as instruments for reinforcing prevailing socio-cultural standards. Moreover, ritual and talismanic practice constitute an important mechanism for fostering social cohesion, mediating conflict, and strengthening collective identity and shared consciousness.

Spiritual and Psychological Value: Certain Taoist rituals and esoteric methods also have therapeutic value. They contribute to the treatment of culturally specific illnesses or psychosomatic conditions. Taoist-related rituals reinforce bonds between individuals and the broader community by providing psychological reassurance. Talismanic practices promote optimism and fortify faith and hope in the face of anxiety and fear. In this manner, Taoist rituals and talismanic practices supply a cultural framework within which Central Vietnamese individuals interpret life events- especially moments of hardship or grief - thus facilitating meaning-making and emotional resilience.

5.3.2. Cultural Attributes of Rituals and Talismanic Practices

"Residues," "Obsolescence," or "Components of Modernity": Historically, Taoist-related rituals and talismanic practices in folk religion were often regarded as residual artifacts of Taoism or as "fossilized" remnants of bygone eras—perceived as rigid and obsolete. However, although these practices are integral to the cultural tradition, they are not diametrically opposed to modernity. On the contrary, they remain dynamically operative, engaging in complex interactions with contemporary social realities—demonstrating their capacity to adapt creatively to the pluralistic conditions of modern life.

"Naive Belief" or "Deliberate, Rational Strategy": Ritual and talismanic practices related to Taoism in folk religion should not be dismissed as naïve superstition. Rather, they represent intentional spiritual rationality, guided by values of pragmatism, reason, subjectivity, autonomy, and individualization. These practices focus on addressing existential challenges and concrete, practical concerns—resolving immediate, lived-experience dilemmas. Their rational dimension is evident in the deliberate synthesis of values drawn from different religious traditions—a logical response to anxiety and uncertainty, even functioning as a strategy for seeking spiritual security. Furthermore, the subjective and autonomous dimension of practice is manifested in tendencies toward individualization and liberalization: interpretive frameworks are open-ended, allowing particular symbols to signify diverse content and meanings according to the purposive perspectives and desires of each individual or communal group.

5.4. Regional Characteristics and Projected Challenges

5.4.1. Regional Characteristics

Taoist-related rituals and talismanic practices in Central Vietnam distinctly exhibit hybridization of indigenous elements with exogenous influences from Vietnamese, Chinese, and Cham cultures. These rituals and practices are increasingly influenced by Mahayana Buddhism, evident in their formal structure, content, and practitioner demographics. Taoist-associated rituals and talismanic magic in Central Vietnam remain primarily confined to the framework of codified Taoist ritual manuals (*khoa nghi*) and incantations (*phù chú*). Transmission and organization of these practices rely predominantly on institutionalized texts and derived scriptures, reflecting a publicly accessible tradition rather than secretive oral transmission (*tâm truyền*) common among shamans (*thầy mo*), sorcerers (*thầy bùa*), or herbal masters (*thầy ngải*) in

Northern/Southern Vietnam. Central Vietnam's ritual system bears pronounced imprints of court ceremonial traditions. Taoist-related rituals and talismanic practices in this region demonstrate resilience against environmental constraints, historical contexts, and unique cultural legacies.

5.4.2. Projected Challenges

Exploitation of faith: Misuse of rituals/talismanic practices for personal gain, commercializing deities (*buôn thần bán thánh*), psychological fraud, and coercive donations pose significant societal threats. *Blind adherence:* Uncritical practice fosters excessive dependence, fuels superstitious trends, and undermines individual/societal agency in overcoming life challenges. *Cultural erosion:* Rituals risk losing sacredness and traditional values, becoming theatrical performances rather than genuine faith expressions. Communal spiritual identity may shift toward commercialization and personal gain. *Secular-rational skepticism:* Practices face rejection as "outdated" within modern secular-rational paradigms. *Subjectivity through modernization:* Personal reinterpretations during modernization may distort core symbolic meanings of rituals and talismanic traditions. *Digital dislocation:* Technology and digital media threaten authenticity by divorcing practices from their cultural contexts.

Chapter 5 Conclusion

This chapter has examined multi-dimensional analytical approaches, highlighting cultural values, regional attributes, and projected challenges of Taoist-related rituals/talismanic practices in Vietnamese folk belief. Paradigmatic diversity underscores the necessity of contextual analysis—considering practitioners' worldviews, cultural motivations, and beliefs—to uncover latent meanings. Through this exploration, the chapter delineates characteristics, values, and challenges, enabling objective assessment of their evolution. Regardless of perspective, these practices retain socio-cultural and psycho-spiritual significance for individuals and communities.

CONCLUSION

With the objective of elucidating the relationship and interaction between Taoism and folk beliefs by identifying Taoist imprints through typology, characteristics, and dynamics, this dissertation has revealed the complex relationship between Taoism and folk beliefs, as well as the interconnectedness and dynamism of rituals and talismanic practices in Vietnamese spiritual life. Approaching ritual and talismanic functions from the practitioners' perspective, the dissertation articulates the significance and role of Taoist-related rituals and practices in both traditional and contemporary folk cultural life. It also offers a novel viewpoint and approach to understanding rituals and talismanic practices in folk beliefs, moving beyond superficial and prejudiced interpretations. These objectives have provided consistent direction and framework for the research conducted throughout the dissertation.

Through migration and cultural exchange, Taoism took root deeply in the folk religious life of Central Vietnam, contributing to the region's diverse cultural landscape. Shared foundations in origin, primal worship beliefs, philosophical perspectives, the syncretic basis of the Three Teachings (Tam giáo), and the convergence of Taoist acculturation and folklorization trends facilitated profound integration between Taoism and folk beliefs. This has created resilient symbiosis between Taoist elements and Central

Vietnamese folk rituals/talismanic practices – evident in belief systems, practical applications, and intrinsic values. These discussions are crucial not only for identifying the propagation and presence of Taoist sects in Central Vietnam but also for understanding the context, nature, and dynamics of Taoism-folk belief relations.

Vietnamese folk rituals in Central Vietnam embody structures, symbolic meanings, and profound Taoist influences. These elements remain concealed within complex syncretic forms blending Buddhism and folk beliefs – challenging to identify yet critically important. Taoist cosmological concepts alongside ritual structures and patterns have reinforced the comprehensiveness and practicality of folk rituals. These foundations enable folk communities to construct ritual systems addressing diverse spiritual and secular life needs. Given this pivotal role, Taoist ritual elements constitute an undeniable component of folk belief structures. They permeate numerous ritual categories: from blessing ceremonies (*cầu phúc*), disaster aversion (*giải ách, nhương tai*), to deity/ancestral worship (*tế độ*).

Taoist ritual elements exert pervasive influence over the folk religious life of Central Vietnamese people – spanning daily rituals, individual life-cycle ceremonies, and communal festivals. Taoist principles participate in the circulation of sacredness and the formalization of folk rituals, creating a systematic, dignified framework imbued with humanism and cultural depth. Despite Taoism's institutional decline, its ritual legacy continues to be transmitted and embraced in contemporary folk life due to these undeniable values.

Unlike the implicit and multilayered fusion characteristic of ritual forms, Taoist-related magical practices in the folk beliefs of Central Vietnam present a more distinct profile, marked by the pervasive influence of the Taoist Five Arts (Ngũ Thuật). Elements of Taoist magic have been integrated into various aspects of vernacular magical life, ranging from forms of divination, protection, and suppression, to techniques of adjustment and resolution. These magical elements are diffusely present throughout daily life. Based on foundational Taoist principles and practices, local Vietnamese communities have adopted and blended them with indigenous folk magic and other magical traditions, thereby creating hybridized principles and customs of magical practice. Under this multidimensional influence, folk magic operates on a multi-traditional framework that simultaneously reflects adherence to Taoist esoteric standards while also accommodating flexible norms, diverse needs, and practical demands of everyday life. Within specific cultural frameworks and contexts, Taoist-related magical practices are adapted and flexibly applied, taking on multiple functions and layers of meaning. This adaptability, along with interpretive flexibility and personalization, has facilitated the expansion of the traditional scope of magical practices, enabling them to meet the emerging spiritual needs of individuals and communities. As a result, Taoist-related magical activities, though seemingly ancient and obsolete, continue to adapt and respond to the multifaceted demands of contemporary life.

Given their diverse forms, characteristics, dynamics, and the complex cultural interactions involved, Taoist rituals and magical practices in folk belief raise numerous topics for discussion. These discussions are necessary to clarify the nature, roles, and values of such practices, as well as how we approach and evaluate them both in academic research and in real life. The study of folk rituals and magic has long been shaped by varying interpretive perspectives rooted in divergent approaches and epistemological paradigms.

Adopting a postmodern anthropological approach that views rituals and magic through a constructivist lens, this dissertation argues that the academic engagement with Taoist-related rituals and magic in Vietnamese folk beliefs should move beyond traditional interpretive frameworks. These practices should be approached not as irrational or exotic phenomena but as expressions of diverse meanings and religious experiences of their practitioners. Situating them within specific cultural contexts reveals that these practices function as cultural mechanisms for perceiving and responding to the world, as strategies of resistance against threats, and as actions aimed at securing spiritual safety. They are cultural practices rooted in longstanding traditions of belief in the sacred and in the efficacy of ritual, offering social, psychological, and spiritual values in their search for security.

In relation to modernity and rationality, Taoist-related rituals and magic should not be viewed as backward remnants, but rather as integral parts of the modern world. They are not mere expressions of naïve and irrational belief, but are instead composite forms imbued with rational qualities, grounded in value selection and deliberate strategies.

The theoretical frameworks and research methodologies employed in this dissertation have enabled the author to clarify the relationship and interaction between Taoism and folk belief, and to explain the functions and driving forces behind the practices of ritual and magic. It is expected that the perspectives offered in this study may face critical responses due to differences in theoretical stance and research paradigms. Amid these differing viewpoints, the dissertation has attempted to put forth its own perspectives—modest and preliminary as they may be—with the hope of enriching our understanding of Taoist rituals and magic, as well as Vietnamese folk beliefs in Central Vietnam.

Despite efforts to maintain an open and objective approach, it is inevitable that certain subjective judgments and biases - rooted in the research paradigm, personal ideology, and perspective - may have influenced the fieldwork and the completion of this dissertation. Moreover, due to both objective and subjective conditions, limitations in research competence remain, such as balancing empirical observation with spiritual subjectivity in the research process. There are also unresolved or underexplored issues, such as: How should we academically interpret mystical phenomena and the immaterial manifestations of rituals and magic? What is the relationship between ritual efficacy and modernity, and how do Taoist rituals adapt to modernity while maintaining their sacred character? How does digital technology affect the authenticity and spiritual effectiveness of ritual and magical practices? These are gaps in research that remain to be thoroughly addressed.

It is hoped that following this dissertation, titled "Rituals and Magic Related to Taoism in the Folk Beliefs of Central Vietnamese People," more research will be conducted on Taoist rituals and magic and on folk beliefs in general. As an initial step in exploring a complex and challenging subject, despite its many limitations and modest results, the author believes this study marks a significant contribution to identifying and investigating Taoist-related rituals and magic in the folk beliefs of the Vietnamese in Central Vietnam.

PUBLISHED WORKS RELATED TO THE DISSERTATION

1. Nguyen Dang Huu. “From Artisanal to Digital: The Modernization of Rituals and Magic in Central Vietnamese Popular Religion”, *The 7th International Conference Language, Society, and Culture in Asian Contexts* (LSCAC 2024). Information and Communication Publishing House, 2024. ISBN: 978- 604- 4997- 57- 5
2. Nguyen Dang Huu. “Rituals and Magic on the Transition of Sacredness in Folk Religion in Central Vietnam”, *Kritika Kultura,* Vol. 44, 2024. ISSN 1656-152x
3. Nguyen Dang Huu. “De-Sanctification in Folk Beliefs of Central Vietnam: A Qualitative Study on Taoism-Related Rituals and Magic”, *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities,* Vol. 132, N^{o}. 6B, 2023.
4. Nguyễn Đăng Hựu. “Con đường du nhập và một số hệ phái Đạo giáo ở Trung Bộ”, *Tạp chí Khoa học và Công Nghệ,* Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Số 3, 2023. ISSN 2354 - 0850